

## Bản tin

# Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp  
chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ

Số 25 ra ngày 17/6/2024

Trong số này:

Trang

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ  
TRUNG TÂM THÔNG  
TIN CÔNG NGHIỆP VÀ  
THƯƠNG MẠI -  
BỘ CÔNG THƯƠNG  
**Phòng Thông tin  
Xuất nhập khẩu**  
655 Phạm Văn Đồng –  
Bắc Từ Liêm – Hà Nội  
**Bộ phận biên tập:**  
ĐT: 0986836889  
**Bộ phận tư vấn thông  
tin và phát hành:**  
Tel: (024) 37152586  
(024) 37152585  
(024) 37152584  
Fax: (024) 37152574

<b>THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN.....</b>	<b>2</b>
<b>THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN3</b>	
<b>TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU .....</b>	<b>5</b>
<i>Đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu sang thị trường Anh chiếm 92,9% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ.....</i>	<b>5</b>
<i>Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng tăng.....</i>	<b>9</b>
<i>Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần.....</i>	<b>11</b>
<i>Nhập khẩu gỗ dương từ Mỹ tăng 34,1% về lượng.....</i>	<b>16</b>
<i>Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Trung Quốc tăng mạnh .....</i>	<b>18</b>
<i>Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần.....</i>	<b>21</b>
<i>Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ.....</i>	<b>23</b>
<b>THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....</b>	<b>25</b>
<i>Thị trường nội thất bằng gỗ toàn cầu dự kiến đạt 413,5 tỷ USD vào năm 2032 .....</i>	<b>25</b>
<i>Dự báo tiêu thụ đồ nội thất toàn cầu sẽ giảm nhẹ năm 2024 và tăng trưởng trở lại vào năm 2025 .....</i>	<b>26</b>
<b>THAM KHẢO .....</b>	<b>27</b>
<i>Mỹ tiếp tục gia hạn thời gian ban hành kết luận cuối cùng điều tra xem xét phạm vi sản phẩm và chống lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại đối với tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam.....</i>	<b>27</b>
<i>Bộ Công Thương lấy kiến đóng góp 03 Dự thảo Thông tư trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.....</i>	<b>27</b>
<i>Khách hàng Algeria tìm nhà xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ.....</i>	<b>28</b>

Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.

Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập

## THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

### 1. Kinh tế thế giới

Ngày 11/6/2024, Ngân hàng Thế giới (WB) đã nâng dự báo tăng trưởng toàn cầu, nhưng vẫn cảnh báo đà tăng trưởng vẫn yếu. WB dự báo kinh tế thế giới năm 2024 sẽ tăng 2,6%, tăng 0,2 điểm phần trăm so với dự báo công bố hồi tháng 1/2024. Trong đó, kinh tế Mỹ sẽ tăng 2,5% trong năm nay, tức tăng 0,9 điểm phần trăm so với dự báo hồi tháng 1/2024, nhờ chi tiêu tiêu dùng và ngân sách chi của chính phủ tăng, trong khi nhập khẩu giảm. Với Trung Quốc, WB dự báo kinh tế nước này sẽ tăng trưởng 4,8%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trước đó. WB giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 ở mức 2,7%, vẫn dưới mức 3,1% duy trì trong suốt một thập kỷ trước khi đại dịch COVID-19 bùng phát năm 2019. WB nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sau khi nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới có dấu hiệu tăng trưởng mạnh hơn dự báo hồi đầu năm.

Trong tuần vừa qua, các thông tin công bố cho thấy kinh tế toàn cầu tiếp tục có tín hiệu khả quan với lạm phát tháng 5/2024 tại các nền kinh tế lớn như Mỹ, Eurozone tăng chậm lại, trong khi hoạt động xuất khẩu của Trung Quốc tiếp tục phục hồi.

Tại Mỹ: Theo Bộ Lao động Mỹ, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2024 tại nước này ổn định so với tháng trước và tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn dự báo tăng 0,1% so với tháng trước và 3,4% so với cùng kỳ năm trước. Loại trừ thực phẩm và năng lượng, CPI lõi tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước, cũng thấp hơn dự báo tăng 0,3% và tăng 3,5%. Mặc dù lạm phát giảm, nhưng trong cuộc họp chính sách tháng 6/2024, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vẫn quyết định giữ nguyên lãi suất và có khả năng chỉ giảm lãi suất một lần trong năm nay. Theo đó, lãi suất tại Mỹ tiếp tục được giữ ở mức 5,25-5,5%, mức cao nhất 23 năm. Fed kỳ vọng lộ trình hạ lãi suất sẽ được thực hiện mạnh hơn vào năm 2025, với 4 lần cắt giảm tương đương 1 điểm phần trăm.

Tại Trung Quốc: Theo cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 5/2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Trung Quốc tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2023 lên 302,35 tỷ USD, vượt mức dự báo tăng 6% và tăng mạnh so với mức tăng 1,5% trong tháng trước, là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 1/2024. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Trung Quốc tăng mạnh do mức cơ sở thấp trong năm 2023 và nhu cầu từ thị trường nước ngoài phục hồi. Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Trung Quốc tăng 2,7% lên 1,4 nghìn tỷ USD. Trong khi xuất khẩu tăng mạnh, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Trung Quốc vẫn tăng chậm cho thấy nhu cầu thị trường trong nước chưa phục hồi rõ nét. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Trung Quốc tháng 5/2024 tăng 1,8% so với tháng 5/2023, đạt 219,73 tỷ USD, thấp hơn mức dự báo tăng 4,2% và giảm mạnh so với mức tăng 8,4% của tháng 4/2024. Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Trung Quốc tăng 2,9% lên 1,06 nghìn tỷ USD. Giá tiêu dùng ở Trung Quốc tăng ít hơn dự báo cũng cho thấy sự phục hồi chậm của thị trường nội địa. Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, tháng 5/2024, tỷ lệ lạm phát của Trung Quốc ở mức 0,3%, giữ ổn định trong tháng thứ hai liên tiếp và thấp hơn mức dự báo 0,4%. Mặc dù tăng chậm, nhưng đây là tháng thứ tư liên tiếp lạm phát tiêu dùng tại Trung Quốc tăng, báo hiệu sự phục hồi liên tục của nhu cầu trong nước.

Tại Eurozone: Ngày 6/6/2024, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã chính thức hạ lãi suất chủ chốt xuống 3,75%, đánh dấu lần cắt giảm đầu tiên kể từ năm 2019. Theo dự báo của ECB, lạm phát của khu vực này trong năm 2024 và năm 2025

sẽ cao hơn dự kiến, lần lượt đạt 2,5% và 2,2%, tăng so với các mức 2,3% và 2% được đưa ra trước đó. Tuy nhiên, ECB cho rằng việc giảm lãi suất là cần thiết để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và đảm bảo rằng lạm phát được duy trì gần mục tiêu 2% của ngân hàng trung ương.

## **2. Kinh tế Việt Nam**

Theo Báo cáo dự báo tăng trưởng kinh tế của Bộ phận Nghiên cứu thị trường và Kinh tế toàn cầu thuộc Ngân hàng UOB, GDP quý II/2024 của Việt Nam dự báo sẽ tăng trưởng 6% và đà hồi phục kinh tế sẽ được duy trì trong nửa cuối năm 2024. Trong khi những rủi ro bên ngoài tiếp tục đè nặng lên triển vọng kinh tế (bao gồm xung đột ở Đông Âu và Trung Đông), triển vọng của Việt Nam được củng cố nhờ sự phục hồi của nhu cầu chip bán dẫn, tăng trưởng ổn định ở Trung Quốc và khu vực, cũng như những sự dịch chuyển trong chuỗi cung ứng đang diễn ra. UOB duy trì dự báo tăng trưởng của Việt Nam ở mức 6% cho năm 2024.

Về thị trường tài chính, UOB dự báo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ giữ lãi suất tái cấp vốn ở mức 4,5% hiện tại và tập trung nỗ lực hỗ trợ tăng trưởng tín dụng cũng như các biện pháp hỗ trợ khác.

Từ đầu quý II/2024 cho đến nay, lãi suất gửi tiết kiệm liên tục được các ngân hàng điều chỉnh theo xu hướng tăng. Đáng chú ý, một số ngân hàng đang niêm yết mức lãi suất tiết kiệm lên đến 7 - 9,5%/năm với điều kiện đi kèm về số tiền gửi và kỳ hạn gửi. Lãi suất huy động được dự báo sẽ chịu áp lực tăng trong nửa cuối năm, song mức tăng sẽ không lớn khi nhu cầu tín dụng trong giai đoạn này không quá đột biến. Bên cạnh đó, việc khối ngân hàng quốc doanh – nhóm chiếm gần một nửa tổng tiền gửi toàn hệ thống – vẫn đang duy trì ở mức thấp kỷ lục cho thấy lãi suất huy động sẽ khó có thể tăng mạnh trong thời gian tới. Theo dự báo, lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng thương mại lớn sẽ có thể nhích thêm 0,7 – 1 điểm phần trăm, quay về mức 5,3-5,6% trong nửa sau năm 2024. Tuy nhiên lãi suất đầu ra sẽ vẫn duy trì ở mặt bằng hiện tại trong bối cảnh các cơ quan quản lý và ngân hàng thương mại nỗ lực giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn. Trước lo ngại lãi suất tiết kiệm tăng trong bối cảnh sản xuất, kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn, Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản gửi các tổ chức tín dụng yêu cầu các ngân hàng tiếp tục phấn đấu giảm lãi suất cho vay thêm 1-2%/năm nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp.

## **THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN**

### **TRONG NƯỚC:**

- Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2024, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,26 tỷ USD, giảm 7% so với tháng 4/2024, nhưng tăng 19,4% so với tháng 5/2023. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 835 triệu USD, giảm 11% so với tháng 4/2023, nhưng tăng 8,9% so với tháng 5/2023. Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 6,2 tỷ USD, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 4,2 tỷ USD, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm 2023.
- Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh trong tháng 5/2024 đạt 16,5 triệu USD, tăng 5,2% so với tháng 5/2023. Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh đạt 89,7 triệu USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2023.

## **Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng của Việt Nam trong tháng 5/2024 đạt 25,7 triệu USD, tăng 18,2% so với tháng 5/2023. Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng đạt 117,6 triệu USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2023.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 04/6/2024 đến 11/6/2024, đạt 316,2 triệu USD, giảm 6,7% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 195 triệu USD, giảm 7,2% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 5/2024 đạt 247,8 triệu USD, tăng 6,4% so với tháng 4/2024 và tăng 14,5% so với tháng 5/2023. Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,02 tỷ USD, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm 2023.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ dương của Việt Nam tháng 5/2024 ước đạt 29,5 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 11,1 triệu USD, tăng 6,5% về lượng và tăng 6,4% về trị giá so với tháng 4/2024; tuy nhiên so với tháng 5/2023 lại giảm 3,8% về lượng và giảm 21,2% về trị giá. Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu gỗ nguyên liệu ước đạt 132,2 triệu m<sup>3</sup>, trị giá 49,4 triệu USD, tăng 19,0% về lượng và tăng 4,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.
- Ước tính, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Trung Quốc trong tháng 5/2024 đạt 92 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 36,0 triệu USD, tăng 3,1% về lượng và tăng 1,1% về trị giá so với tháng 4/2024; nâng tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc trong 5 tháng đầu năm 2024 đạt 346,51 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 134,99 triệu USD, tăng 70,7% về lượng và tăng 37,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.
- Trong tuần từ ngày 04/6/2024 đến 11/6/2024, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 62,4 triệu USD, tăng 10,3% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ ngày 28/5/2024 đến 12/6/2024 đạt 34,18 triệu USD, tăng 34,25% so với kỳ trước (từ ngày 14/5/2024 đến 28/5/2024).

### **QUỐC TẾ:**

- Quy mô thị trường đồ nội thất gỗ toàn cầu đạt 275,7 tỷ USD vào năm 2023 và dự kiến sẽ đạt 413,5 tỷ USD vào năm 2032, với tốc độ tăng trưởng bình quân là 4,61% trong giai đoạn 2023 - 2032.
- Năm 2023 là một năm rất khó khăn đối với thương mại đồ nội thất quốc tế, đạt 174 tỷ USD, giảm 7% so với năm 2022 (vẫn cao hơn mức trước đại dịch). Dự báo cho năm 2024 và 2025 thương mại đồ nội thất sẽ phục hồi chậm. Dự kiến thương mại đồ nội thất sẽ tăng trưởng trở lại vào năm 2025 sau 4 năm giảm. Các nước nhập khẩu đồ nội thất hàng đầu là Mỹ, Đức, Pháp, Anh và Hà Lan. Các quốc gia này cùng nhau chiếm khoảng 50 tổng lượng nhập khẩu đồ nội thất trên toàn cầu. Ước tính sơ bộ cho năm 2023 cho thấy sự sụt giảm đối với tất cả các nước nhập khẩu chính, đặc biệt là Mỹ.

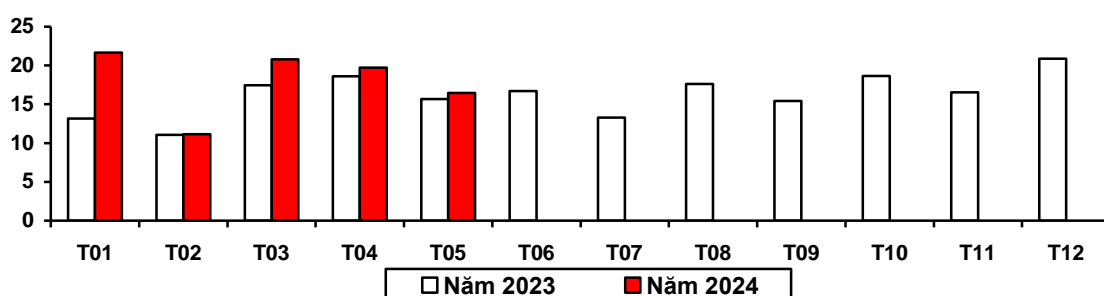
## TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

### Đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu sang thị trường Anh chiếm 92,9% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh trong tháng 5/2024 đạt 16,5 triệu USD, tăng 5,2% so với tháng 5/2023. Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh đạt 89,7 triệu USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2023.

#### Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Anh năm 2023 - 2024

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong 4 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới thị trường Anh ghi nhận tốc độ tăng trưởng khả quan, đây là nhóm hàng xuất khẩu chủ lực chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường này, đạt 68 triệu USD, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 92,9% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Anh. Hầu hết các mặt hàng trong nhóm đồ nội thất bằng gỗ đều tăng trưởng tốt, trừ mặt hàng đồ nội thất nhà bếp. Trong khi đó, các mặt hàng như gỗ, ván và ván sàn, gỗ mỹ nghệ và khung gương có xu hướng giảm, trừ mặt hàng cửa gỗ xuất khẩu trong 4 tháng đầu năm 2024, đạt 1,9 triệu USD, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm 2023.

Đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng mang lại giá trị gia tăng cao cho ngành gỗ, do đó đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này sẽ góp phần thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới các thị trường khả quan hơn. Anh là thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn trên thế giới, nhu cầu nhập khẩu khoảng 4,4 tỷ USD/năm. Theo đó, Anh là thị trường rất tiềm năng đối với mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam. Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 3 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Anh đạt 1,03 tỷ USD, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, các thị trường trong khối EU cung cấp mặt hàng này lớn nhất cho Anh; tiếp theo là thị trường Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia... Tỷ trọng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Anh từ Việt Nam chỉ chiếm 5,5% tổng trị giá nhập khẩu, vẫn còn rất thấp so với nhu cầu của thị trường này. Vì vậy, cơ hội để mở rộng thị phần đồ nội thất bằng gỗ tại Anh là rất lớn.

Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa Việt Nam có nhiều cơ hội tại thị trường Anh nhờ cơ sở ưu đãi thuế quan theo các Hiệp định UKVFTA, CPTPP; cơ chế áp dụng Fast track Digital UKCA thay cho CE đối với sản phẩm công nghiệp. Thị trường Anh khá lớn (khoảng 68 triệu dân), nhu cầu đa dạng với cộng đồng người gốc Á hơn 5,5 triệu người cũng là điều kiện thuận lợi cho hàng hóa Việt Nam gia tăng xuất khẩu vào

thị trường này.

Đáng chú ý, cùng với việc gia nhập CPTPP, Anh đã có văn bản chính thức công nhận Việt Nam là một nền kinh tế thị trường. Điều đó rất thuận lợi cho Việt Nam trong các cuộc điều tra phòng vệ thương mại, đặc biệt là điều tra chống bán phá giá. Với kết quả này, hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sẽ không bị phân biệt đối xử, được áp dụng mức thuế chống bán phá giá hợp lý hơn so với hiện nay. Việc phê chuẩn và thực thi các cam kết trong Nghị định thư gia nhập CPPTP của Anh sẽ giúp hàng hóa Việt Nam có cơ hội tiếp cận thị trường Anh, đặc biệt là các doanh nghiệp có thể tận dụng đầu vào từ các nước CPTPP khác, cũng như các ưu đãi mới từ cam kết gia nhập của Anh; trong đó có việc nước này cam kết sẽ công nhận Việt Nam là kinh tế thị trường khi thực thi Hiệp định. Đồng thời, thúc đẩy quan hệ đa phương của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh tình hình địa chính trị thế giới đang và sẽ diễn biến phức tạp và khó đoán định...

Bên cạnh những cơ hội thuận lợi, hàng hóa Việt Nam nói chung và mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam nói riêng cũng gặp những khó khăn tại thị trường Anh do nhiều yếu tố tác động. Trong đó, thương mại quốc tế tăng yếu khi kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại và xung đột địa chính trị leo thang. Xung đột Biển đỏ là trở ngại lớn đối với xuất khẩu hàng hóa sang Anh bằng đường biển khi làm cho hành trình tàu kéo dài thêm từ 10-15 ngày so với trước và cước tàu tăng.

Biến động địa chính trị thế giới cũng ảnh hưởng đến thị trường Anh; biến động tỷ giá USD/GBP khiến rủi ro tài chính đối với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam tăng.

Mặt khác, hàng hóa nhập khẩu phải đáp ứng yêu cầu chất lượng cao, giá cả cạnh tranh. Luật về chống mất rừng và suy thoái rừng sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu các sản phẩm gỗ. Yêu cầu về chứng chỉ xanh, fair trade ngày càng được ưa chuộng và áp dụng đối với các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa dịch vụ khiến các doanh nghiệp phải đầu tư nhiều hơn, làm tăng chi phí đầu vào, giá thành sản phẩm.

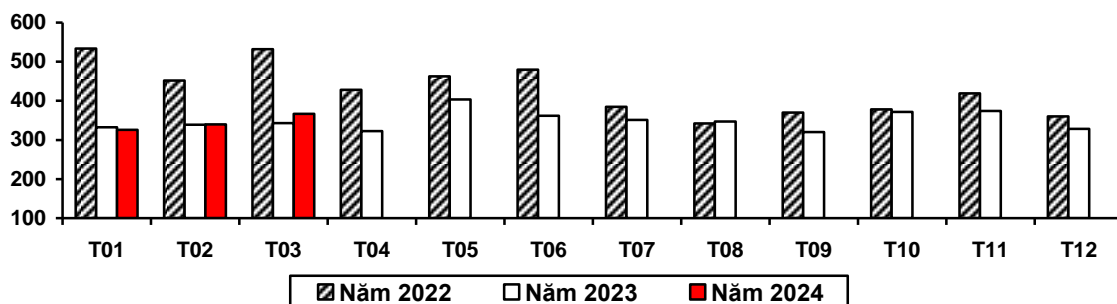
Hiện tượng lừa đảo, tranh chấp thương mại giữa các doanh nghiệp Việt Nam và Anh tăng do tình trạng nhiều doanh nghiệp Anh gặp khó khăn tài chính

**Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường Anh trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2024**

Mặt hàng	Tháng 4/2024 (nghìn USD)	So với tháng 4/2023 (%)	4 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
					4 tháng năm 2024	4 tháng năm 2023
<b>Tổng</b>	<b>19.707</b>	<b>6,0</b>	<b>73.197</b>	<b>21,3</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Đồ nội thất bằng gỗ	18.139	7,8	67.964	23,8	92,9	91,0
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	8.327	-5,9	33.479	28,9	45,7	43,1
Đồ nội thất phòng ngủ	3.818	4,0	13.487	19,3	18,4	18,7
Ghế khung gỗ	2.936	10,1	12.332	13,8	16,8	18,0
Đồ nội thất văn phòng	1.803	107,2	5.804	53,4	7,9	6,3
Đồ nội thất nhà bếp	1.256	64,6	2.861	-4,9	3,9	5,0
Cửa gỗ	412	-13,0	1.892	30,4	2,6	2,4
Gỗ, ván và ván sàn	631	-22,3	1.685	-12,8	2,3	3,2
Đồ gỗ mỹ nghệ	0	-100,0	134	-0,5	0,2	0,2
Khung gương	9	147,9	51	-9,0	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Anh qua các tháng giai đoạn 2022 – 2024 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: ITC

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ Anh nhập khẩu tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2024

Mã HS	Tên hàng	Tháng 3/2024 (nghìn USD)	So với tháng 3/2023 (%)	3 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
						3T/2024	3T/2023
<b>Tổng</b>		<b>366.970</b>	<b>6,9</b>	<b>1.032.332</b>	<b>1,7</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	140.985	7,5	401.178	-1,5	38,9	40,1
940161 + 940169	Ghế khung gỗ	124.978	9,6	331.349	5,7	32,1	30,9
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	61.191	16,1	184.854	9,0	17,9	16,7
940340	Đồ nội thất nhà bếp	26.949	-18,9	78.543	-13,0	7,6	8,9
940330	Đồ nội thất văn phòng	12.867	6,4	36.408	7,7	3,5	3,3

Nguồn: ITC

Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Anh tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Tháng 3/2024 (nghìn USD)	So với tháng 3/2023 (%)	3 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với 3 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
					3T/2024	3T/2023
<b>Tổng</b>	<b>366.970</b>	<b>6,9</b>	<b>1.032.332</b>	<b>1,7</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
EU	155.759	-20,7	470.398	-9,7	45,6	51,4
Ba Lan	49.627	-16,8	155.043	-5,4	15,0	16,1
Italia	28.573	-29,5	82.164	-14,4	8,0	9,5
Đức	21.519	-22,7	62.185	-18,3	6,0	7,5
Litva	15.560	-20,1	51.388	-4,8	5,0	5,3
Rumani	6.077	-11,9	17.521	-10,3	1,7	1,9
Tây Ban Nha	5.634	-24,2	16.782	-19,4	1,6	2,1
Bồ Đào Nha	5.702	2,4	15.301	2,1	1,5	1,5
Thụy Điển	4.312	-32,1	14.604	-2,4	1,4	1,5
Pháp	4.528	15,4	11.193	4,5	1,1	1,1
Đan Mạch	2.866	-21,6	8.063	-21,7	0,8	1,0
Ai Len	1.776	-15,6	5.513	9,3	0,5	0,5
CH. Séc	954	-56,4	4.495	-13,6	0,4	0,5
...						
Trung Quốc	150.358	68,6	397.174	24,5	38,5	31,4

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Tháng 3/2024 (nghìn USD)	So với tháng 3/2023 (%)	3 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với 3 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
					3T/2024	3T/2023
Việt Nam	22.898	34,7	57.221	-1,6	5,5	5,7
Malaysia	8.854	22,1	26.413	9,0	2,6	2,4
Indonesia	5.462	-2,7	13.190	-13,0	1,3	1,5
Thổ Nhĩ Kỳ	5.293	-16,1	16.116	-9,0	1,6	1,7
Hồng Kông	3.985	447,4	6.344	107,2	0,6	0,3
Ấn Độ	3.760	-24,1	11.108	-16,0	1,1	1,3
Braxin	3.029	-19,0	11.381	-7,4	1,1	1,2
Ukraina	936	10,6	3.309	28,3	0,3	0,3
Thụy Sĩ	862	-4,0	2.282	22,0	0,2	0,2
Bosnia và Herzegovina	838	-7,8	2.549	5,0	0,2	0,2
Mỹ	782	-67,2	2.204	-67,4	0,2	0,7
Na Uy	693	-23,4	2.777	-3,9	0,3	0,3
Thái Lan	450	-56,0	1.759	-42,8	0,2	0,3
Marôc	431	-34,5	1.528	29,4	0,1	0,1
Macedonia	427	-45,6	1.197	-31,5	0,1	0,2
UAE	331	-77,4	607	-70,8	0,1	0,2
Anh	315	-41,6	781	-45,7	0,1	0,1
Đài Loan	284	88,1	547	24,0	0,1	0,0
Serbia	244	20,2	1.197	116,5	0,1	0,1
Singapore	121	202,5	187	-4,1	0,0	0,0
Nam Phi	111	126,5	218	-55,3	0,0	0,0
Canada	107	84,5	140	-60,6	0,0	0,0
Ai Cập	104	62,5	199	82,6	0,0	0,0

Nguồn: ITC

**Doanh nghiệp gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Anh đạt kim ngạch cao trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2024**

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 4/2024 (nghìn USD)	4 tháng năm 2024 (nghìn USD)
CTY TNHH GIANG MINH	1.006	2.903
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT G H	745	2.675
CTY TNHH TIẾN HƯNG	535	2.603
CTY CỔ PHẦN LÂM VIỆT	668	2.533
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ THANH THANH	675	2.498
CTY TNHH GỖ CHÂN TÂM	495	2.064
CTY TNHH LÂM NGHIỆP PHÚ KHANG THỊNH	459	1.846
CTY CỔ PHẦN GỖ MINH DƯƠNG	498	1.653
CTY TNHH FURNITURE RESOURCES VIỆT NAM	405	1.556
CTY TNHH HOÀNG HƯNG	714	1.462
CTY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XNK SAVIMEX	413	1.388
CTY TNHH ROCHDALE SPEARS	436	1.361



Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 4/2024 (nghìn USD)	4 tháng năm 2024 (nghìn USD)
CTY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ TIẾN ĐẠT	248	1.258
CTY TNHH RESPONSE VIỆT NAM	332	1.253
CTY CỔ PHẦN PHƯỚC HƯNG	527	1.247
CTY TNHH MỸ NGHỆ ĐẠI XUYÊN	486	1.151
CTY TNHH PHÚ KHANG PHÁT	260	1.135
XÍ NGHIỆP THẮNG LỢI - CN CTY CỔ PHẦN PHÚ TÀI	0	1.060
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN KHÁNH HỘI 2	248	1.013
CTY TNHH PGT-RECLAIMED (VIỆT NAM)	415	860
CTY TNHH ĐỒ GỖ BÌNH DƯƠNG	160	859
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN	204	835
CTY TNHH SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT MỸ	218	822
CTY TNHH MTV GỖ PHÚ TÀI BÌNH ĐỊNH	108	802

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

## **Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng tăng**

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng của Việt Nam trong tháng 5/2024 đạt 25,7 triệu USD, tăng 18,2% so với tháng 5/2023. Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng đạt 117,6 triệu USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2023.

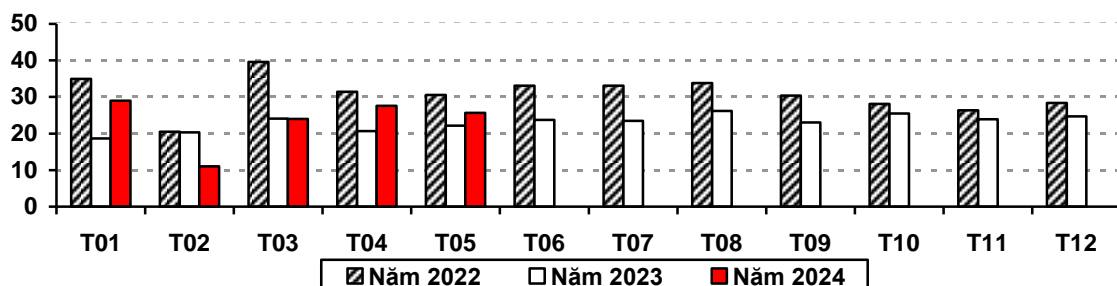
Hầu hết các tổ chức dự báo kinh tế lớn trên thế giới đều dự báo thương mại toàn cầu sẽ phục hồi mạnh trong năm 2024. Cụ thể: Theo dự báo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), hoạt động thương mại toàn cầu sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2024, sau khi chứng kiến sự sụt giảm vào năm ngoái do giá cả leo thang, lãi suất tăng và nhu cầu yếu. OECD dự báo thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu sẽ tăng 2,3% trong năm 2024 và 3,3% năm 2025. Các con số này cải thiện đáng kể so với mức tăng trưởng chỉ 1% của năm 2023. Trong khi đó, tại báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới tháng 4/2024, IMF cũng dự báo hoạt động thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu sẽ tăng 3% trong năm 2024. Còn WTO dự báo thương mại hàng hóa sẽ tăng 2,6% năm 2024, sau khi giảm 1,2% vào năm 2023. Thương mại toàn cầu khả quan hơn sẽ thúc đẩy hoạt động của các doanh nghiệp tích cực hơn. Do đó, nhu cầu thay thế, đổi mới trang thiết bị đồ nội thất văn phòng sẽ được doanh nghiệp chú trọng. Đây là cơ hội để ngành hàng này của Việt Nam mở rộng thị phần trong thời gian tới.

Theo nguồn ResearchAndMarkets.com, thị trường nội thất văn phòng thế giới hiện nay đạt khoảng 49 tỷ USD. Khoảng 80% lượng tiêu thụ của phân khúc này diễn ra ở 10 quốc gia lớn, dẫn đầu là Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và Đức.

Lĩnh vực nội thất văn phòng đang trải qua một sự chuyển đổi lớn. Về mặt sản xuất, tính bền vững ngày càng được chú trọng về mặt thiết kế có tuổi thọ cao, mô hình tuần hoàn và cho thuê. Từ quan điểm cạnh tranh, xu hướng tập trung theo khu vực và xác định các phân khúc sản phẩm mới cũng như các kênh phân phối mục tiêu vẫn tiếp tục.

Sau những thách thức trong những năm gần đây, thị trường nội thất văn phòng thế giới được dự báo sẽ phục hồi nhẹ vào năm 2024 và dự kiến sẽ mạnh lên vào năm 2025 với hiệu suất và tốc độ khác nhau giữa các thị trường và khu vực trên toàn thế giới.

**Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng qua các tháng giai đoạn 2022 - 2024**  
(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan-số liệu sơ bộ tháng 5/2024

Về mặt hàng xuất khẩu: 4 tháng đầu năm 2024, tủ và bàn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất văn phòng, với kim ngạch chiếm tới 68,3% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng. Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng tủ dùng trong văn phòng đạt 32,5 triệu USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm 2023; tiếp theo là mặt hàng bàn đạt 29,6 triệu USD, giảm 3,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Đáng chú ý, trong 4 tháng đầu năm 2024, một số mặt hàng đồ nội thất văn phòng xuất khẩu có kim ngạch tăng mạnh, tuy nhiên kim ngạch chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ như bàn làm việc, kệ, kệ sách, bàn học, tủ tài liệu, bàn viết.

**Mặt hàng đồ nội thất văn phòng xuất khẩu chính tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2024**

Mặt hàng	Tháng 4/2024 (Nghìn USD)	So với tháng 4/2023 (%)	4 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
					4 tháng năm 2024	4 tháng năm 2023
<b>Tổng</b>	<b>27.632</b>	<b>33,8</b>	<b>90.960</b>	<b>18,1</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Tủ	9.863	38,6	32.530	15,2	35,8	36,6
Bàn	9.117	10,7	29.618	-3,2	32,6	39,7
Bàn làm việc	2.848	10,9	10.089	36,8	11,1	9,6
Kệ	1.887	66,5	6.239	62,6	6,9	5,0
Kệ sách	1.486	134,9	4.190	176,3	4,6	2,0
Bàn học	551	113,8	2.368	35,6	2,6	2,3
Tủ tài liệu	474	5599,4	2.216	7.809,3	2,4	0,0
Ghế	291	48,6	870	-51,5	1,0	2,3
Bàn viết	290	410,3	785	76,4	0,9	0,6
Bàn vi tính	151	2,0	600	1,7	0,7	0,8
Tủ hồ sơ	223	-9,8	515	-21,9	0,6	0,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về thị trường xuất khẩu: Trong 4 tháng đầu năm 2024, mặt hàng đồ nội thất văn phòng xuất khẩu nhiều nhất tới thị trường Mỹ, đạt 59 triệu USD, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 65% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng. Tiếp theo là thị trường Nhật Bản đạt 12,7 triệu USD, tăng 2,2%; Anh đạt 5,8 triệu USD, tăng 53,4%; Trung Quốc đạt 3,4 triệu USD, giảm 22,5%; EU đạt 2,1 triệu USD, giảm 26,7%...

**Thị trường xuất khẩu đồ nội thất văn phòng tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2024**

Thị trường	Tháng 4/2024 (Nghìn USD)	So với tháng 4/2023 (%)	4 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
					4 tháng năm 2024	4 tháng năm 2023
<b>Tổng</b>	<b>27.632</b>	<b>33,8</b>	<b>90.960</b>	<b>18,1</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Mỹ	18.828	41,9	59.086	28,4	65,0	59,7
Nhật Bản	3.002	9,8	12.727	2,2	14,0	16,2
Anh	1.803	107,2	5.804	53,4	6,4	4,9
Trung Quốc	1.066	-30,5	3.426	-22,5	3,8	5,7
EU	621	-9,2	2.140	-26,7	2,4	3,8
Pháp	129	72,3	684	-26,6	0,8	1,2
Ai Len	123	36,6	330	-0,1	0,4	0,4
Thụy Điển	131	-25,6	213	-28,1	0,2	0,4
Hà Lan	43	-73,8	210	-32,0	0,2	0,4
Đan Mạch	45	-23,5	205	-18,9	0,2	0,3
Bỉ	44		201	-33,8	0,2	0,4
Đức	56	-3,8	126	-33,2	0,1	0,2
...						
Hàn Quốc	478	5,6	1.934	7,9	2,1	2,3
Canada	450	44,4	1.567	25,8	1,7	1,6
Đài Loan	193	-20,9	987	6,7	1,1	1,2
Australia	209	-13,1	821	-19,0	0,9	1,3
Bahama	314		314		0,3	0,0
Kô-eot	157		212		0,2	0,0
Thái Lan	32	286,6	176	1661,0	0,2	0,0
Mexico	51	-29,4	167	81,0	0,2	0,1
Curacao	53		122		0,1	0,0
UAE	29	30,4	117	106,8	0,1	0,1
New Zealand	33	246,8	107	-27,1	0,1	0,2
Campuchia	9	55,2	66	-55,3	0,1	0,2
Chilê	25	454,2	63	-53,6	0,1	0,2
Puerto Rico	4	64,4	52	164,9	0,1	0,0
Nam Phi	0		52	123,2	0,1	0,0
Ả Rập Xê út	16	47,2	49	23,6	0,1	0,1
Singapore	6	62,3	40	718,8	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần**

(Từ ngày 04/6/2024 đến 11/6/2024)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 04/6/2024 đến 11/6/2024 đạt 316,2 triệu USD, giảm 6,7% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 195 triệu USD, giảm 7,2% so với tuần trước.

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong tuần như: Mỹ đạt 159,4 triệu USD, giảm 7,3% so với tuần trước; tiếp theo là thị trường Nhật Bản đạt 7,3 triệu USD, giảm 12%; Hàn Quốc đạt 4,2 triệu USD, tăng 6%; Canada đạt 3,9 triệu USD, giảm 9,6%; Anh đạt 3,6 triệu USD, giảm 21,7%...

**Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Tủ dùng trong phòng bếp (ván dăm, ván mdf, ván kiri ghép, gỗ cao su ghép) KB IM301-TW 120OP (LBR) (1195x2003x450)mm	Bộ	20	217,8	Cát Lái
	Ghế sofa gỗ thông bọc vải 3-seater 938 99*224*76cm	Cái	21	223,6	Cát Lái
	Bàn làm việc #1662 (1200+600*750*750mm), bằng gỗ tần bì, màu tự nhiên và màu hồ đào	Cái	50	147,7	Cát Lái
	Kệ dùng trong phòng ngủ(ván dăm, ván mdf, gỗ cao su ghép)(820 x 1923 x 420) mm	Cái	20	86,0	Cát Lái
Đan Mạch	Ghế sofa gỗ thông bọc vải 3-seater 1907 97*218*83cm	Cái	2	251,3	Cát Lái
	Tủ gỗ MDF phủ veneer với cánh, thân, chân gỗ sồi có kính đã gắn liền vào sản phẩm, 100*42*H140 cm	Cái	13	252,9	Hải An
	Bàn 1200x1200x750mm, ván MDF, gỗ sồi	Cái	2	516,0	Gemalink
Đức	Giường tầng Twin Full(WF323257AAK - WF323261AAK),gỗ thông Qc:2449x1480x1619mm	Bộ	93	176,0	Cont spict
	Tủ 4 cửa PCB04LGLGRN,KT:1730x408x800mm, gỗ keo,MDF,Plywood,đá Marble.KT mặt đá:1730x408x18mm	Cái	20	148,5	Qui Nhơn
	Bàn tròn cà phê PCT04LGRY,KT:1016x1016x750mm gỗ keo,MDF	Cái	30	81,5	Qui Nhơn
	Ghế sofa gỗ trầm, có nệm và gối (D.68 x W.190 x H.76cm)	Cái	14	78,0	Gemalink
	Kệ treo tường Ole gỗ cao su, mặt kệ và hông bằng MDF (D.18 x W.70 x H.26cm)	Cái	120	16,8	Gemalink
à Rập Xê út	Ghế đá nhồi nệm(KS-1496-S-HR-COHAZ-CA)gỗ cao su xẻ,ván ép(2282*1020*771mm)	Cái	10	524,0	Cát Lái
	Giường code PAH-KBU-007, QC: (215x198x145)cm. gỗ sồi + MDF.	Cái	5	394,0	Cát Lái
	Bàn ăn dùng trong nhà bếp- ván MDF, gỗ cao su, 2400x910x760mm	Cái	5	290,5	Cát Lái
Ai Len	Giường 6ft/AY60, gỗ sồi, gỗ dương, MDF, 2000x2160x1388mm.	Cái	10	429,5	Cát Lái
	Bàn ăn 220CM gỗ sồi: (2200x1000x780)mm.	Cái	10	299,0	Cát Lái
	Ghế Bench gỗ sồi, Kích thước: (2000x380x460)mm	Cái	15	118,0	Cát Lái
	Tủ rượu gỗ sồi, chân sắt. Kích thước: (1000x450x1840)mm	Cái	10	395,0	Cont spict
	kệ sách gỗ sồi Khung chân sắt. Kích thước: (1100x400x2100)mm.	Cái	10	164,7	Cont spict
Anh	Kệ sách gỗ sồi,thông AGH-KC/V3P:(1070 x 563 x 1900) mm	Cái	15	342,0	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi, gỗ popar, MDF, ván ép, veneer, 2000x800x756 (mm)	Cái	1	1.645,0	Cont spict
	Giường 001516-AE và 493941-UKK-CWM - (gỗ alder, poplar, beech) (2041x2388x1372)mm	Cái	4	1.975,2	T.Hợp B.Đương
	Tủ 012152-AA &491199-CBO-C003 - (gỗ trầm bông vàng, sồi) (1981x559x857)mm	Cái	2	1.357,0	T.Hợp B.Đương
Australia	Tủ gỗ Marri kích thước : (1400x510x830)mm	Cái	6	622,0	Cái Mép
	Giường SAM-KB - SAMPLE KING BED-gỗ sồi, (1860x2070x1300)mm	Cái	1	585,0	Cái Mép
	Ghế sofa CD-9063 (3S)(222Lx96Wx87H)cm, 24JN1-C27-sx từ gỗ thông, gỗ dẻ gai	Cái	10	555,0	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi 40L51509(240/100/76)cm	Cái	5	504,9	Cát Lái
	Kệ để phòng khách Scala 2 hộc kéo mã hàng 02018081-Y024 gỗ sồi MDF veneer, màu tự nhiên 1300x500x2000mm	Cái	15	265,5	Cát Lái
Bỉ	Bàn Bar tròn gỗ keo 78 x 78x x 110(H) cm	Cái	1.320	30,1	Bà Rya
	Ghế sofa gỗ sồi bọc vải sleeper sofa 2320 87*209*83cm	Bộ	15	408,2	Cát Lái
	Giường ngôi nhà N634P170530K N634P170531K	Bộ	150	96,0	Cont spict

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	(2050*2000*1050)mm gỗ thông, ván ép, ván MDF				
	Nôi cho trẻ em SO02004 Leon playpen 95 x 95 cm kt:99.5x99.5x75.2 cm, gỗ dẻ gai và ván MDF	Cái	468	62,0	QT SP-SSA(SSIT)
	Tủ Tikamoon Cabinet 3 cánh Loggia VAN0059 kích thước 1420x500x780mm, gỗ keo	Cái	45	202,4	Gemalink
Các TVQ ở Rập thống nhất	Ghế tựa có khung gỗ cao su, bọc nệm hoàn thiện bằng vải, chân kim loại, QC: (81*82.6*76.2)cm	Bộ	25	151,5	Cát Lái
	Giường code PAH-KBU-005, QC: (210.2x189x135)cm gỗ sồi, MDF	Cái	4	424,0	Cát Lái
	Tủ 6 ngăn code PAH-DRS-005, QC: (160x45.5x80)cm gỗ sồi, MDF	Cái	4	379,0	Cát Lái
	Bàn ăn dùng trong nhà bếp- ván MDF, gỗ cao su, KT: 2400x910x760mm	Cái	5	290,5	Cát Lái
Côxta Rica	Bàn ăn dùng trong nhà bếp - D974-35.24.3 Item D974-35, gỗ cao su, ván MDF, quy cách 2744*1170*760	Cái	10	132,8	Cái Mép
	Tủ dùng trong nhà bếp D615-60.24.3 - Item D615-60, làm từ ván MDF, ván ép Plywood, gỗ cao su, quy cách 1421*456*913mm	Cái	7	128,0	Cái Mép
	Ghế đã nhồi đệm - Item D615-05, có khung gỗ trầm, ván MDF, gỗ cao su, quy cách 502*584*1013mm	Cái	56	26,0	Cái Mép
Canada	Giường Gỗ Kayra Ivory Boucle King Storage Bed; Qc: 240x242x109cm, Gỗ Bạch Đàn, Gỗ Tràm	Cái	9	673,7	Cái Mép
	Tủ 9 hộc kéo dùng cho phòng ngủ 9131-79-9 (ART2104) (1796 x 490 x 921)mm(gỗ Beech,gỗ óc chó, MDF,Ván lạng gỗ óc chó)	Cái	8	611,6	Cái Mép
	Kệ Tivi B223-001, 70.86x18.58x20.04 inch, (gỗ tần bì, ván mdf )	Cái	48	270,2	Cái Mép
	Ghế sofa , ba người ngồi , có khung ván ép gỗ cao su, có nệm nệm,Kích thước :110*214.5*80.5(CM).	Cái	32	408,0	Bà Rịa
	Bàn-520012005-1117X1117X381 MM, gỗ Cao su và gỗ Sồi	Cái	12	244,5	Tân Cảng
Chilê	Kệ,FLO SG L02-60 (600x400x1800)mm- gỗ trầm	Cái	40	99,7	Cát Lái
	Bàn cà phê L06-90 (900x900x430)mm- gỗ trầm	Cái	38	79,9	Cát Lái
	Giường sử dụng trong phòng ngủ (BF-114WQ-DKGY) ván ép, ván MDF, gỗ cao su, kích thước: 1630*2100*1240mm.	Cái	250	48,3	QT Cái Mép
Ấn Độ	Bàn GW2655 D647-25 (1829x1016x780)mm, đã sơn (gỗ cao su,gỗ dương,gỗ trầm,MDF,ván ép	Cái	10	123,8	Cái Mép
	Ghế sofa 3 chỗ 2 tay vịn, bọc da bò, PVC, làm từ ván ép, gỗ thông MHI-8B-LEA-3S2H-E(91*43.5*43.5)"	Bộ	20	817,0	Cát Lái
	Tủ SP1212 74" x 17" x 36" gỗ thông,cao su,ván sơn ép ,MDF (D821-60)	Cái	5	142,0	Đồng Nai
Guyan	Giường đơn 52736-K gỗ cao su, ván MDF và ván ép (size 2018x2315x1420/528)mm.	Bộ	14	194,0	QT Cái Mép
	Tủ trang điểm 52736-DR-MR(có khung kiếng) gỗ cao su, ván MDF và ván ép. Size: (1626x483x963)mm	Cái	44	211,0	QT Cái Mép
Hà Lan	Giường đơn gỗ thông.Size: 2364x971x1630mm.Item:WF312668AAK/69AAK	Bộ	100	104,0	Cont spict
	Tủ Cessina 3 ngăn (1050x460x772)mm sử dụng trong phòng ngủ , gỗ sồi	Cái	7	249,9	Cont spict
	Bàn ăn gỗ trầm 240 x 100 x H79cm, style:4008324010084	Cái	40	193,6	Cont spict
	Kệ bàn (Bộ phận của bàn ăn)gỗ trầm 238 x 98 x 10cm	Cái	49	117,5	Cont spict
	Ghế 51.5x63.5x73 (cm), gỗ tần bì	Cái	100	36,3	Gemalink
Hàn Quốc	Giường gỗ cao su size (2034x2230x1100) mm	Bộ	10	234,0	Cát Lái
	Kệ - BOOKCASE-2F 1200, (1191*300*894)mm,gỗ trầm & ván MDF	Cái	65	114,0	Cát Lái
Hondura	Giường tầng Bunkbed-2129 GF-4350(1993*1430*1650mm) gỗ thông,cao su, ván ép, mdf	Bộ	88	178,1	Cát Lái
	Tủ GW2927 D989-60 (1624x463x817)mm, đã sơn ( gỗ cao su,gỗ dương,gỗ trầm,MDF,ván ép,ván PB)	Cái	3	180,6	Cát Lái

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Bàn dài D989-25 (2286x1016x762)mm, đã sơn (gỗ cao su xẻ, gỗ trầm, ván ép, ván MDF)	Cái	10	162,5	Cát Lái
	Ghế GW2556 D989-01 (510x598x1027)mm, đã sơn (gỗ cao su xẻ, có nhồi nệm, bọc bằng vải)	Cái	78	29,0	Cát Lái
Italia	Tủ có chân sắt, vách tủ gỗ sồi, hiệu: D8, 160X51x80 cm, mã: MEBO3005-CRDZ-MED-AN-AIB	Cái	2	1.395,0	Cát Lái
	Bàn có chân sắt, vách tủ gỗ sồi, hiệu: D8, 160X160x76 cm, mã: MBUF1010-CI-MED-ATM	Cái	1	1.334,0	Cát Lái
	Kệ có chân sắt, mặt gỗ sồi, hiệu: D8, 45X115x271 cm, mã: MSMO3007-LAG-AB	Cái	1	1.287,0	Cát Lái
	Ghế có chân sắt, mặt gỗ sồi, mới 100%, hiệu: D8, 83X83x70 cm, mã: MEBO2006-AMCH-A122	Cái	1	784,0	Cát Lái
Ixaen	Bàn (250X100X78 CM ) gỗ Teak	Cái	22	569,9	QT Cát Mép
	Ghế (120X102X78CM) - Light Teak Look - gỗ ACACIA (gỗ keo)	Cái	32	166,0	QT Cát Mép
	Kệ 2 cánh cửa gỗ Thông kết hợp MDF -sử dụng cho phòng ngủ- 46 , KT (1600*300*1270)mm	Cái	35	69,9	QT Cát Mép
	Tủ gỗ Thông kết hợp MDF - sử dụng cho phòng ngủ- 46 , KT (1660*490*331)mm- (Bar boocase 166*49*33- white)	Cái	35	63,6	QT Cát Mép
	Giường gỗ thông Ofirbed - sử dụng cho phòng ngủ-46, KT (2100*964*813)mm - ( Ofir bed 90*190 -46 wood )	Cái	65	48,8	QT Cát Mép
Malaysia	VS-031-200#&Ghế sofa đã nhồi nệm,(1491x810x935)mm làm từ gỗ cao su, gỗ trầm, ván ép, dùng trong phòng khách, không nhãn hiệu, hàng mới 100%; VS-031-200	Cái	30	145,0	Cát Lái
	Tủ 06 hộc BV5636 CB029061A-M0(192-129)(834 x 1928 x 508) mm ván gỗ poplar ghép, ván PB, Ván MDF, ván lạng, gỗ dương xẻ, ván ép	Cái	6	266,3	Cont spict
	Tủ đầu giường BV5632 CB027101A-M0(192-312)(529x744x458)mm gỗ OAK xẻ, ván PB, Gỗ dương xẻ, ván MDF, ván lạng, ván ép	Cái	10	86,1	Cont spict
Mexico	Ghế sofa 3 chỗ, bọc da bò, PVC, ván ép, gỗ thông (87*34*30)"	Cái	4	288,0	Cát Lái
	Tủ quần áo (1046x490x854)mm- ván: mdf, ép- gỗ: dương, sồi	Cái	25	116,5	Cát Lái
	Kệ đầu giường (473x441x610)mm- ván: mdf, ép- gỗ: dương, sồi-	Cái	80	56,8	QT Cát Mép
	Bàn Gỗ Malcolm Round C Table; Qc: 342X 342X 610 (mm) Gỗ Thông , Mdf, Có Khung Sắt	Cái	20	46,8	QT Cát Mép
Mỹ	Tủ bếp 23415.MBV2-KIT1.L.3 gỗ dán, gỗ thông, tần bì, sồi , vân sam KT:4102x2680x2184 mm	Bộ	4	5.835,0	Nam Đình Vũ
	Ghế sofa FB-SG-385 bọc nệm gỗ OAK, ván ép, MDF (4337 x 1905 x 1238)mm	Bộ	1	10.319,0	QT Cát Mép
	Bàn gỗ sồi tên KH:Quercus Petraea, 1587x1524x381 (mm)	Cái	4	2.757,0	Gemalink
	Giường gỗ dán , dương Liriodendron tulipifera, sồi Quercus alba, ván lạng, MDF, bọc vải (2540x2185x1015mm)	Cái	1	3.597,2	KV.TP HCM
Nam Phi	Kệ -A21M-DIV1 / QC: (1200x300x1850)mm ( gỗ sồi, veener)	Cái	10	102,5	Cát Lái
	Ghế NYSSE chair - Loose - Range S-F3 gỗ sồi (W760xD910xH820xSH450)	Cái	30	194,0	Đồng Nai
	Ghế Odd counter stool H64 upholstered seat - Fixed - Range S-L1 làm từ gỗ sồi (W395xD280xH660xSH640)	Cái	22	98,0	Đồng Nai
New Zealand	Giường gỗ sồi WES-KB/IF (1830 x 2030) ,(2250 x 1935 x 1200)mm	Cái	8	215,0	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi dùng trong phòng khách WES-RGL02/IF(780x360x 1870)mm	Cái	5	191,0	Cát Lái
	Bàn ăn gỗ sao đen Nam Mỹ dầu màu 250x100x76cm	Cái	3	370,0	Gemalink
	Ghế sofa khung gỗ thông, ván ép gỗ cao su, nệm, chân, bọc vải quy cách105x69x37 (inch)	Cái	9	332,7	Gemalink
Nhật Bản	Tủ dùng trong văn phòng(ván dăm, ván mdf, ván kiri ghép, gỗ alder ghép, gỗ beech ghép, gỗ cao su ghép) (855 x 1800 x 400) mm.	Cái	10	171,7	Cát Mép

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Bàn gỗ sồi ZYT-0962-1400(1800)X800 ROT1(1800x800x710) mm	Cái	10	346,5	Cát Lái
	Giường gỗ thông YBOB-KB05drw/YB (1935 x 2060) , QCSP: (2400 x 2015x 1460)mm	Cái	12	304,0	Cát Lái
	Ghế Sofa HD15543 gỗ oak ghép, ván mdf, có nệm. ALVESTA SOFA 2ND (IV) (1575x825x730)mm	Cái	40	294,2	Cát Lái
Panama	Tủ D989-60 (1624x463x817)mm, đã sơn (gỗ cao su,gỗ dương,gỗ trầm,MDF,ván ép,ván PB)	Cái	3	180,6	Cát Lái
	Bàn dài D989-25 (2286x1016x762)mm, đã sơn (gỗ cao su xẻ,gỗ trầm,ván ép, ván MDF)	Cái	11	162,5	Cát Lái
	Ghế D989-01 (510x598x1027)mm, đã sơn (gỗ cao su xẻ,có nệm bọc bằng vải)	Cái	66	29,0	Cát Lái
Pháp	Tủ để trong văn phòng,gỗ sồi (110.3*43*175)cm	Cái	10	446,9	Qt sp-ssa(ssit)
	Kệ trang trí gỗ sồi, mã hàng AR276: 866*350*2132mm	Cái	20	294,3	Qt sp-ssa(ssit)
	Giường gỗ trầm (2172x1680x2100)mm, mã hiệu: 50170391	Cái	12	200,3	Qt sp-ssa(ssit)
	Bàn ăn kéo giãn chiều dài 02024014-Y024 gỗ sồi NK & MDF veneer, mã 02024014, KT : 1800/2800x900x760mm	Cái	50	505,5	Gemalink
	Ghế Bench - gỗ Sồi - SGSHK-COC-370082 ( 2000 - 350 - 460) mm	Cái	60	102,0	Gemalink
Phig	Ghế sofa góc gỗ thông, nệm bọc vải-KT: 390*180*58cm	Bộ	1	969,0	ICD Phước Long
	Giường size lớn gỗ thông khung bọc vải polyester, 285*220*97cm	Cái	4	384,0	ICD Phước Long
Puerto Rico	Ghế sofa có khung gỗ trầm, ván ép và ván MDF, đã nệm. size:(737*2502*1156)mm.Item: 8141622-3.	Bộ	24	176,0	QT Cát Mệp
	Tủ (1867x645x2064)mm gỗ sồi, mdf, đá nhân tạo	Cái	1	3.725,0	KV.TP HCM
Rumani	Tủ D743-60 nhãn hiệu ASHLEY gỗ cao su, ván ép (59*17.36) inch	Cái	10	132,4	Qt sp-ssa(ssit)
	Bàn D743-45 nhãn hiệu ASHLEYgỗ cao su, ván ép (81.77*45.91*6.97) inch	Cái	10	126,4	Qt sp-ssa(ssit)
	Ghế D743-02 gỗ thông, ván MDF (19 1/2* 22* 40 1/2) inch.	Cái	100	27,6	Qt sp-ssa(ssit)
Singapore	Bàn gỗ óc chó đã qua xử lý sấy hun trùng và hoàn thiện bề mặt, có thể tháo lắp 1200*1200*700MM.	Cái	5	699,0	Cát Lái
	Tủ tivi gỗ óc chó KT #1800*350*430MM.	Cái	2	699,0	Cát Lái
Tây Ban Nha	Ghế sofa gỗ thông bọc vải HKC102 3-Seater (W219 x D106 x H66cm)	Cái	6	312,0	Cát Lái
	Giường Vaneysa Woven King Size Bed, Natural (L2073xW1673x1080H)mm,gỗ sồi	Cái	171	267,0	ICD Phước Long
	Tủ Crawley Sideboard, Black stained oak & cane (W1450 x D426 x 770H)mm, gỗ sồi	Cái	50	227,0	ICD Phước Long
Thái Lan	Giường 550016914 (3595x1000x100)mm, gỗ Sồi	Cái	11	546,6	Cát Lái
	Kệ TV 530013797 (120X1250X1175)mm, gỗ Sồi, sử dụng phòng khách	Cái	20	227,8	Cát Lái
Thụy Điển	Ghế sofa CD-5117 (Stool B)(64Lx64Wx52H)cm, 24JN1-1704-gỗ thông	Cái	25	107,0	Qt Sp-Ssa(Ssit)
	Tủ gỗ thông CNB025/SK-MADBx 1200mm x 840mm x 440mm	Cái	12	207,8	Gemalink
	Bàn gỗ thông WFD023/LSK-BOX 775 x 1400(1800) x 900mm	Cái	23	168,2	Gemalink
Triều Tiên	Ghế đã nệm 1134-81-15 (455 x 480 x 823)mm gỗ Oak,MDF, ván lạng gỗ sồi)	Bộ	225	111,0	Cát Lái
	Tủ đầu giường 8800-70-2 (500 x 450 x 600)mm(gỗ Oak,MDF,PB, ván lạng gỗ sồi)	Cái	100	97,0	Cát Lái
	Bàn đèn 9119-04-1 (472 x 472 x 493)mm(gỗ Beech, MDF,Ván lạng gỗ óc chó)	Cái	50	71,0	Cát Lái

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## Nhập khẩu gỗ dương từ Mỹ tăng 34,1% về lượng

Nhập khẩu gỗ dương từ Mỹ lớn nhất chiếm 53,3% tổng lượng nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm 2024, đạt 55,7 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 15,5 triệu USD, tăng 34,1% về lượng và tăng 19,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

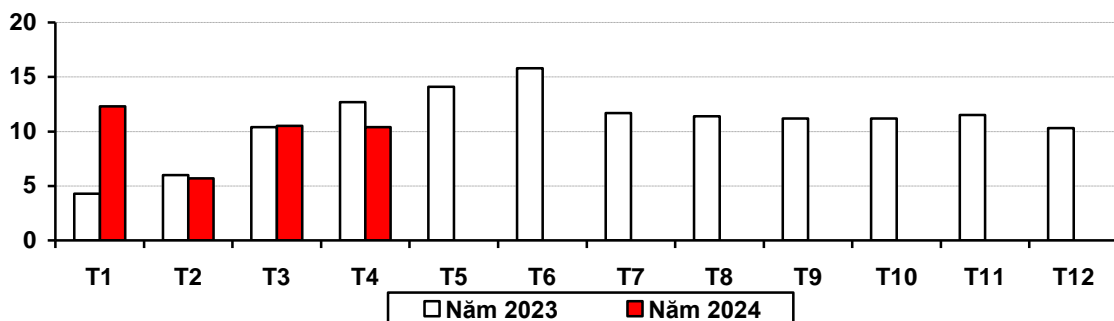
### Tình hình nhập khẩu gỗ dương

Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ dương của Việt Nam tháng 5/2024 ước đạt 29,5 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 11,1 triệu USD, tăng 6,5% về lượng và tăng 6,4% về trị giá so với tháng 4/2024; tuy nhiên so với tháng 5/2023 lại giảm 3,8% về lượng và giảm 21,2% về trị giá.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu gỗ nguyên liệu ước đạt 132,2 triệu m<sup>3</sup>, trị giá 49,4 triệu USD, tăng 19,0% về lượng và tăng 4,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

### Trị giá nhập khẩu gỗ dương của Việt Nam qua các tháng năm 2023– 2024

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ dương của Việt Nam tháng 4/2024 đạt 27,7 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 10,4 triệu USD, giảm 13,1% về lượng và giảm 1,0% về trị giá so với tháng 3/2024; so với tháng 4/2023 giảm 8,0% về lượng và giảm 17,8% về trị giá.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu mặt hàng này đạt 104,5 triệu m<sup>3</sup>, trị giá 39,0 triệu USD, tăng 29,8% về lượng và tăng 16,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

### + Về chủng loại nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê, gỗ dương xẻ nhập khẩu về Việt Nam 4 tháng đầu năm 2024 đạt khối lượng 91,6 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 36,4 triệu USD, tăng 20,5% về lượng và tăng 12,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Nhập khẩu gỗ dương loại tròn đạt 12,9 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 2,6 triệu USD, tăng 187,4% về lượng và tăng 159,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

### Tham khảo nhóm gỗ dương nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2024

Chủng loại	4 tháng đầu năm 2024			So với cùng kỳ năm 2023 (%)		
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Trị giá	Lượng	Đơn giá
Gỗ xẻ	91.572	36.353	397,0	20,5	12,2	-6,9
Gỗ tròn	12.891	2.608	202,3	187,4	159,8	-9,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



## Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

### + Về giá nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê, giá nhập khẩu trung bình gỗ dương trong 4 tháng đầu năm 2024 đạt 373,0 USD/m<sup>3</sup>, giảm 10,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong đó, giá nhập khẩu gỗ dương từ Mỹ giảm 11,2% so với cùng kỳ năm 2023, xuống 278,8 USD/m<sup>3</sup>; từ Nga giảm 3,6%, xuống còn 404,8 USD/m<sup>3</sup>; từ EU giảm 16,0%, xuống 214,1 USD/m<sup>3</sup>.

### + Về thị trường nhập khẩu:

4 tháng đầu năm 2024, lượng nhập khẩu gỗ dương nguyên liệu của Việt Nam ở hầu hết các thị trường như Mỹ, Nga, EU... đều tăng so với cùng kỳ năm 2023, ngoại trừ nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc giảm. Cụ thể:

Nhập khẩu gỗ dương từ Mỹ lớn nhất chiếm 53,3% tổng lượng nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm 2024, đạt 55,7 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 15,5 triệu USD, tăng 34,1% về lượng và tăng 19,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Tiếp đến, nhập khẩu gỗ dương từ thị trường Nga chiếm 23,7% tổng lượng nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm 2024, đạt 24,8 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 10,0 triệu USD, tăng 67,4% về lượng và tăng 61,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường EU chiếm 7,1% tổng lượng nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm 2024, đạt 7,5 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 1,6 triệu USD, tăng 58,9% về lượng và tăng 33,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Trái lại, nhập khẩu gỗ dương từ thị trường Trung Quốc lại giảm 19,0% về lượng và giảm 10,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023, đạt 15,2 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 11,3 triệu USD.

### Thị trường cung cấp gỗ dương cho Việt Nam 4 tháng đầu năm 2024

Thị trường	4 tháng đầu năm 2024			So với cùng kỳ năm 2023 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá	4T/2024	4T/2023
<b>Tổng</b>	104.463	38.961	373,0	29,8	16,6	-10,2	100,0	100,0
Mỹ	55.723	15.537	278,8	34,1	19,0	-11,2	53,3	51,7
Nga	24.781	10.031	404,8	67,4	61,3	-3,6	23,7	18,4
Trung Quốc	15.197	11.345	746,5	-19,0	-10,7	10,2	14,5	23,3
<b>EU</b>	<b>7.451</b>	<b>1.595</b>	<b>214,1</b>	<b>58,9</b>	<b>33,5</b>	<b>-16,0</b>	<b>7,1</b>	<b>5,8</b>
<i>Látvia</i>	4.739	984	207,7	1.881,8	1.556,1	-16,4	4,5	0,3
<i>Lítva</i>	729	186	255,2				0,7	0,0
<i>Đức</i>	601	120	199,7	-40,2	-28,6	19,4	0,6	1,3
<i>Hà Lan</i>	542	81	148,4	2.335,9	1.816,2	-21,3	0,5	0,0
<i>Bỉ</i>	282	51	179,5	-58,1	-53,8	10,2	0,3	0,8
<i>Estonia</i>	184	49	268,2	241,4	117,7	-36,2	0,2	0,1
<i>Rumani</i>	172	58	340,0	288,1	229,9	-15,0	0,2	0,1
<i>Đan Mạch</i>	93	11	114,1	-49,1	-67,7	-36,5	0,1	0,2
<i>Italia</i>	43	17	403,9	-75,5	-78,1	-10,8	0,0	0,2
<i>Ai Len</i>	41	18	443,0				0,0	0,0
<i>Đài Loan</i>	433	120	276,7	1.123,2	938,4	-15,1	0,4	0,0
<i>Canada</i>	278	132	473,7	103,5	186,1	40,6	0,3	0,2
<i>Andora</i>	198	58	293,7				0,2	0,0
<i>Belize</i>	165	50	305,0				0,2	0,0
<i>Hồng Kông</i>	150	46	303,1				0,1	0,0

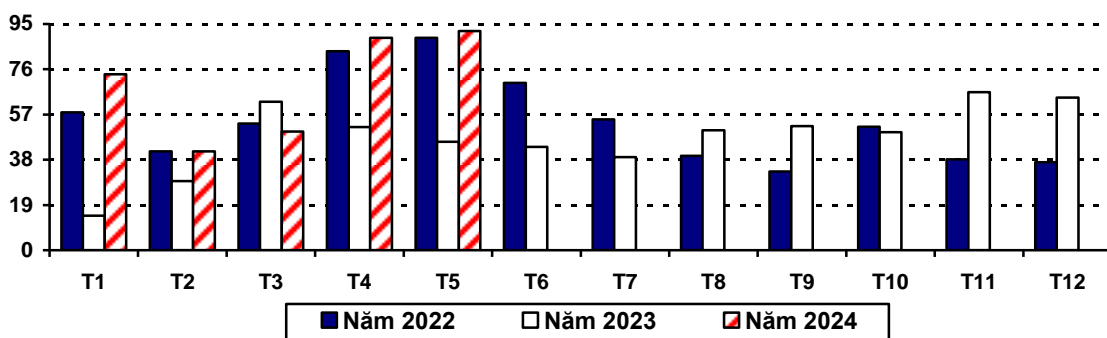
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Trung Quốc tăng mạnh

Theo số liệu thống kê, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Trung Quốc trong tháng 4/2024 đạt 89,27 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 35,61 triệu USD, tăng 79,2% về lượng và tăng 89,9% về trị giá so với tháng 3/2024; tăng 72,7% về lượng và tăng 45,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Trung Quốc đạt 254,51 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 98,99 triệu USD, tăng 61,5% về lượng và tăng 30,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Ước tính, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Trung Quốc trong tháng 5/2024 đạt 92 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 36,0 triệu USD, tăng 3,1% về lượng và tăng 1,1% về trị giá so với tháng 4/2024; nâng tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc trong 5 tháng đầu năm 2024 đạt 346,51 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 134,99 triệu USD, tăng 70,7% về lượng và tăng 37,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

**Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc (đvt: nghìn m<sup>3</sup>)**



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan và số liệu ước tính tháng 5/2024

### Mặt hàng nhập khẩu chính

- Gỗ dán vẫn là mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất từ Trung Quốc về Việt Nam trong tháng 4/2024 đạt 40,88 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 15,50 triệu USD, tăng 97,4% về lượng và tăng 93,5% về trị giá so với tháng 3/2024; tăng 58,3% về lượng và tăng 55,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu gỗ dán từ Trung Quốc đạt 116,05 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 43,76 triệu USD, tăng 71,7% về lượng và tăng 61,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Giá nhập khẩu trung bình gỗ dán từ Trung Quốc trong tháng 4/2024 ở mức 379 USD/m<sup>3</sup>, giảm 2,0% so với tháng 3/2024 và giảm 2,0% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2024, giá nhập khẩu trung bình gỗ dán ở mức 377 USD/m<sup>3</sup>, giảm 5,9% so với cùng kỳ năm 2023.

- Nhập khẩu ván sợi từ Trung Quốc trong tháng 4/2024 cũng tăng mạnh, đạt 23,84 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 4,09 triệu USD, tăng 34,4% về lượng và tăng 33,7% về trị giá so với tháng 3/2024; tăng 170,3% về lượng và tăng 184,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu ván sợi từ Trung Quốc đạt 74,71 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 13,26 triệu USD, tăng 120,4% về lượng và tăng 122,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Giá nhập khẩu trung bình ván sợi từ Trung Quốc trong tháng 4/2024 ở mức 171 USD/m<sup>3</sup>, giảm 0,5% so với tháng 3/2024, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2023. Tính

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

chung trong 4 tháng đầu năm 2024, giá nhập khẩu trung bình ván sợi ở mức 177 USD/m<sup>3</sup>, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2023.

- Tháng 4/2024, nhập khẩu gỗ xẻ từ Trung Quốc tăng mạnh 102,6% về lượng và tăng 84,2% về trị giá so với tháng 3/2024, đạt 7,87 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 4,98 triệu USD; nâng tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2024 đạt 21,82 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 14,76 triệu USD, tăng 3,2% về lượng và tăng 5,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Giá nhập khẩu trung bình gỗ xẻ từ Trung Quốc về Việt Nam trong tháng 4/2024 ở mức 633 USD/m<sup>3</sup>, giảm 9,1% so với tháng 3/2024 và giảm 10,5% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2024, giá nhập khẩu gỗ xẻ từ Trung Quốc ở mức 677 USD/m<sup>3</sup>, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Gỗ dương vẫn là chủng loại gỗ xẻ được nhập khẩu nhiều nhất từ Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2024, đạt 15,20 nghìn m<sup>3</sup>, với trị giá 11,34 triệu USD, giảm mạnh 19,0% về lượng và 10,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Ngược lại, nhập khẩu các chủng loại gỗ xẻ khác như gỗ thông, mít, lim, gỗ, hương... tăng mạnh.

**Các chủng loại gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2024**

(Đvt: Lượng: m<sup>3</sup>; Trị giá: nghìn USD)

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 4/2024		So với tháng 3/2024 (%)		So với tháng 4/2023 (%)		4 tháng đầu năm 2024		So với 4 tháng đầu năm 2023 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>		<b>89.265</b>	<b>35.607</b>	<b>79,2</b>	<b>89,9</b>	<b>72,7</b>	<b>45,8</b>	<b>254.513</b>	<b>98.993</b>	<b>61,5</b>	<b>30,0</b>
Gỗ dán		40.878	15.502	97,4	93,5	58,3	55,0	116.051	43.762	71,7	61,6
Ván sợi		23.836	4.087	34,4	33,7	170,3	184,4	74.711	13.260	120,4	122,9
<b>Gỗ xẻ</b>	Dương	4.577	3.293	57,7	58,5	-30,9	-30,2	15.197	11.345	-19,0	-10,7
	Thông	812	420	1.814,2	1.879,6	552,9	585,0	1.943	967	227,2	231,1
	Mít	1.102	397	-	-	-	-	1.102	397	2.986,3	6.072,6
	Lim	0	0	-	-	-	-	601	222	191,4	242,6
	Linh sam	262	84	393,7	393,7	-	-	361	126	7,4	-25,1
	Ngô đồng	179	99	-	-	-	-	350	185	-9,8	-13,8
	Gỗ	40	11	-83,9	-80,1	-	-	289	64	559,5	285,5
	Hương	22	5	-85,3	-89,7	-	-	283	82	1.315,0	1.367,9
	Vân sam	230	95	411,0	385,5	-	-	275	115	-	-
	Sồi	92	180	-28,0	-41,5	1.368,1	9.646,3	220	488	342,1	1.866,0
	Tần bì	26	10	-77,6	-84,5	-	-	170	84	483,3	724,1
	Sa mộc	0	0	-	-	-	-	89	24	-13,7	-13,7
	Gỗ hồng	9	4	-85,0	-84,9	-	-	68	27	-	-
	Đẻ gai	39	8	-	-	-	-	39	8	-	-
	Cao su	29	17	-	-	-	-	29	17	-	-
	Song	0	0	-	-	-	-	17	20	-	-
<b>Tổng</b>		<b>7.868</b>	<b>4.979</b>	<b>102,6</b>	<b>84,2</b>	<b>16,4</b>	<b>4,2</b>	<b>21.816</b>	<b>14.759</b>	<b>3,2</b>	<b>5,8</b>
<b>Gỗ tròn</b>	Lim	3.543	1.610	17.056,0	32.112,0	-	-	3.563	1.615	61,1	197,6
	Linh sam	0	0	-	-	-	-	628	126	-	-
	Tuyết tùng	0	0	-	-	-	-	359	72	-	-
	Tần bì	30	8	11,3	54,6	-	-	178	69	-	-

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 4/2024		So với tháng 3/2024 (%)		So với tháng 4/2023 (%)		4 tháng đầu năm 2024		So với 4 tháng đầu năm 2023 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
	Gỗ	141	28	-	-	-	-	141	28	-	-
	Sồi	99	40	-	-	-	-	99	40	-70,0	-39,7
	Dâu	22	5	10,0	0,0	-	-	42	10	-	-
	Thông	0	0	-	-	-100,0	-100,0	39	4	-96,4	-95,8
	Nghiến	0	0	-	-	-	-	26	9	-	-
	Hương	0	0	-	-	-	-	23	6	-	-
	<b>Tổng</b>	<b>3.834</b>	<b>1.692</b>	<b>4.283,7</b>	<b>8.215,6</b>	<b>686,8</b>	<b>2.455,2</b>	<b>5.119</b>	<b>1.983</b>	<b>-22,6</b>	<b>1,9</b>
Đồ gỗ mộc dân dụng		6.718	4.080	68,3	71,9	1,6	-13,8	19.005	11.269	22,5	1,4
Ván dăm		2.277	602	55,8	27,3	82,0	30,2	7.787	2.130	72,5	4,3
Ván bóc, lạng		1.499	3.111	100,5	129,6	24,1	21,3	4.084	7.947	-25,7	-36,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Một số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Trung Quốc đạt trị giá cao trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2024**

Doanh nghiệp nhập khẩu	4T/2024 (nghìn USD)	So với 4T/2023 (%)
CTY TNHH MOTOMOTION VIỆT NAM	15.026	140,7
CTY TNHH NGÀNH GỖ FU MING VIỆT NAM	14.639	358,5
CTY TNHH KEESON ( BÌNH DƯƠNG)	12.850	12,8
CTY TNHH GỖ TRUNG NGUYÊN	8.948	756,9
CTY TNHH JASON FURNITURE VIỆT NAM	8.694	89,8
CTY TNHH HAPPY FURNITURE (VIỆT NAM)	7.981	16,9
CTY TNHH GỖ TINH BẢO	6.163	-
CTY TNHH THƯƠNG MẠI TINH DUỆ	3.644	59,5
CTY TNHH GLOBAL CASES VIỆT NAM	3.022	1.051,5
CTY TNHH GLORY OCEANIC (VIỆT NAM)	2.897	45,0
CTY TNHH KINGMORE RACKING VIỆT NAM	2.766	33,4
CTY TNHH GREENWOOD	2.722	-42,2
CTY TNHH VẬT LIỆU MỚI NHUẬN PHÁT	2.694	-16,6
CTY TNHH NỘI THẤT NEW FORTUNE.	2.618	65,4
CTY TNHH SOFA DING YUAN VIỆT NAM	2.580	134,3
CTY TNHH ĐỒ GỖ HANG LAM VIỆT NAM	2.412	793,1
CTY TNHH NỘI THẤT GOLDENLAND VIỆT NAM	2.237	2.684,0
CTY TNHH SONG THỊNH DƯƠNG	2.188	-
CTY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ TM XUẤT NHẬP KHẨU TÂM ĐỨC	2.186	37,7
CTY TNHH NỘI THẤT SANYANG VIỆT NAM	2.176	-44,2
CTY TNHH VĂN PHÒNG PHẨM QUỐC TẾ	1.962	50,9
CTY TNHH KEY BAY FURNITURE	1.904	125,8
CTY CỔ PHẦN GREATWOOD HƯNG YÊN	1.890	-
CTY TNHH HIGHEND VINA	1.872	28,7
CTY TNHH TIMBERLAND	1.871	396,6
CTY TNHH JIAN HE	1.842	422,0
CỤNG TY TNHH DMU LOGISTICS (VIETNAM)	1.817	-
CTY TNHH MTV THƯƠNG MẠI HỒNG ĐẠT	1.782	159,5
CTY TNHH INNOVATION UNITED INTERNATIONAL (VIỆT NAM)	1.760	-41,9

Nguồn: Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo

## Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

Từ ngày 04/6/2024 đến 11/6/2024

Trong tuần từ ngày 04/6/2024 đến 11/6/2024, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 62,4 triệu USD, tăng 10,3% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường tăng so với tuần trước như: từ Trung Quốc tăng 16,1%; Mỹ tăng 31,6%; Thái Lan tăng 64,1%; Cameroon tăng 71,8%; Bỉ tăng 205,9%; Hồng Kông tăng 48,5%; Pháp tăng 10,9%... so với tuần trước.

Trái lại, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường khác giảm so với tuần trước như: từ Lào giảm 29,1%; Đức giảm 13,7%; Braxin giảm 20,6%; New Zealand giảm 7,7%; Bồ Đào Nha giảm 33,1%; Chilê giảm 71,7%...

**Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 04/6/2024 đến 11/6/2024 (ĐVT: nghìn USD)**

Thị trường	Tuần từ ngày 04/6/2024 đến 11/6/2024	So với tuần trước (%)
<b>Tổng</b>	<b>62.384</b>	<b>10,3</b>
Trung Quốc	20.208	16,1
Mỹ	9.972	31,6
Thái Lan	3.695	64,1
Cameroon	3.430	71,8
Bỉ	2.467	205,9
Lào	2.303	-29,1
Hồng Kông	2.233	48,5
Pháp	1.937	10,9
Đức	1.582	-13,7
Braxin	1.437	-20,6
New Zealand	1.077	-7,7
Bồ Đào Nha	871	-33,1
Đan Mạch	745	138,1
Chilê	598	-71,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 04/6/2024 đến 11/6/2024**

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã-GH
Gỗ óc chó tròn đk: 8-20cm, dài 6-14m	46	300,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ bách xẻ (32mm x 90mmup x 3000mm)	121	132,5	Nhật Bản	Tiên Sa	C&F
Gỗ bạch đàn tròn Q/C: 300-500mm x 5700mm	158	159,7	Bỉ	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch đàn tròn xẻ, Q/C: 300-640mm x 5700mm	157	159,6	Uruguay	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch đàn tròn, đk trung bình từ 29,5cm, dài 3,8 & 5,8m	140	148,0	Nam Phi	Quy Nhơn	CIF
Gỗ bạch dương xẻ (1-3m*10-30cm*20-65mm)	92	200,0	Nga	Cát Lái	C&F
Gỗ bạch dương xẻ dày 20-25mm, rộng 70-200mm, dài 2000mm	154	361,0	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch tùng xẻ dày trên 6 mm	181	300,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ cao su xẻ: 30-45MM*55mm and *2000mm	219	290,0	Malaysia	Cát Lái	CFR
Gỗ căm xẻ thanh, dài: 200cm, rộng: 19cm, dày: 2cm	14	240,0	Cônggô	Đình Vũ	FOB
Gỗ chò chỉ xẻ dày trên 6mm	44	300,0	Lào	Hà Tĩnh	DAF
Gỗ dương xẻ, sấy, dày 26mm, rộng 7.6-40cm, dài 1.2-4.8m	114	220,0	Mỹ	Cát Lái	C&F
Gỗ dẻ gai xẻ dày 50mm, dài 2.1-3.3m, rộng 10-50cm	31	295,8	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ: (38x464-2521x2250-3500) mm	66	242,0	Slovenia	Cát Lái	CIF

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Chủng loại	Lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã-GH
Gỗ gỗ dài: 200cm, rộng: 30cm, dày: 17cm	138	239,1	Uganda	Đình Vũ	C&F
Gỗ gỗ dày trên 18cm, rộng trên 28cm, dài trên 2.1m	70	160,0	Kenya	Cát Lái	C&F
Gỗ gỗ rộng từ 40cm, dày từ 35cm, dài từ 232cm	20	250,0	Nigeria	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ rộng từ 40cm, dày từ 39cm, dài từ 240cm	20	250,0	Hồng Kông	Cát Lái	FOB
Gỗ gụ lau xẻ dày từ 4-28cm, dài từ 200-260cm, rộng từ 17-77cm	5	300,0	Lào	Hải Phòng	CIF
Gỗ hương đá xẻ, dày (14-16)cm, rộng (30-55)cm, dài(230-280) cm	22	250,0	Dambia	Đình Vũ	C&F
Gỗ hương xẻ dày 37-77 cm, rộng 37-84 cm, dài 2,75-5,4 m	47	462,0	Đan Mạch	Hải Phòng	CFR
Gỗ hương xẻ thanh rộng từ 20cm, dày12cm, dài 230cm	240	300,0	Ángôla	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương xẻ thanh, dày: từ 5-12cm, rộng: từ 29-60cm, dài: 200 cm	24	180,0	Thái Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ hương xẻ thanh, kt: (13 x 77 x 285) cm	25	240,0	Nam Phi	Hải Phòng	C&F
Gỗ lát tròn đk:19-67 cm; dài: 260-800cm	29	170,0	Lào	Thanh Hóa	DAF
Gỗ lim dài 200 cm, rộng 30 cm, dày 30 cm	443	250,0	E.Guinea	Đình Vũ	C&F
Gỗ lim dài: 13m, đk: 60cm	4	200,6	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dài: 5.8M, đk: 72cm	235	355,8	Pháp	Hải Phòng	CIF
Gỗ lim dài: 6-13.2M, đk: 60-69cm	22	235,5	Italia	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dày 25 cm, rộng 25 cm, dài 2,5m	24	167,0	Nigeria	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xanh dày: 36-64cm, rộng: 27-68cm, dài: 495-550cm	20	250,0	Campuchia	Cảng Xanh	C&F
Gỗ lim xẻ dài: 280cm, rộng: 25cm, dày: 4cm	6	230,0	Cônggô	Đình Vũ	FOB
Gỗ lim xẻ, dài: 0.8-1.6M, rộng: 4cm, dày: 4cm	20	406,9	Thụy Sĩ	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xẻ, dài: 1-3.5M, rộng: 4-100cm, dày: 2-25cm	296	455,0	Gabông	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xẻ, dài: 140cm, rộng: 7cm, dày: 5cm	23	237,9	Hồng Kông	Hải Phòng	FOB
Gỗ mít (07 x 07 x 105) cm	44	230,5	Indonesia	Đình Vũ	C&F
Gỗ nghiêng đk từ 20cm - 35cm; dài từ 20cm - 50cm	13	300,0	Lào	Quảng Bình	DAF
Gỗ phong xẻ dày: 22 x 80/360 x 1500/3300 (mm)	145	493,0	Litva	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi đỏ tròn - đk: 33cm up, dài 2,4m	104	270,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi đỏ xẻ sậy 2.6 cm (4/4) x12.70-40.64cm, dài từ 1.52- 2.44m	75	240,0	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ 31.75 x (102 - 279) x (2743 - 4267) mm	16	190,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ, sậy - dày 26mm x dài 1.3m	23	344,2	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ (26 * 100 * 1000 ~ 2000 mm)	12	494,8	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sậy, 20mm x100mm, dài từ 1.8-3.9m	51	301,2	Slovenia	Cát Lái	CIF
Gỗ sến dài: 5.9-12.4M, đk: 85-163cm	485	251,7	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ tần bì- đk: 41cm-70cm; dài: 2.2m-6.6m	59	390,7	áo	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì dài 3m, đk 30cm-39cm	20	273,0	Ba Lan	Đình Vũ	CFR
Gỗ tần bì tròn đk (30-70) cm, dài (3-11.5) m	204	200,0	Hồng Kông	Vũng Tàu	CIF
Gỗ tần bì tròn đk (31-68) cm, dài (3-11.5) m	107	200,0	Hà Lan	Vũng Tàu	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: (30-75) cm, dài: (3.1-11.6) m	33	200,0	Bỉ	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: 30-52cm, dài 3-11.5m	109	200,0	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: 30-59cm, dài 2-11.4m	365	200,0	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: 30-70 cm, dài: 2.80-11.50 m	171	240,0	Slovenia	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì xẻ dày: 38 mm, dài từ 1.0-1.5 m	16	580,9	Croatia	Cát Lái	CFR
Gỗ tần bì, dài từ 3m, đk từ 30 cm - 39cm	59	257,1	Đan Mạch	Đình Vũ	CIF
Gỗ thông xẻ - QC: 3960*22*(120--160) mm	151	235,0	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (22 mm x75-145mm x 2440-3660mm)	46	230,0	Đài Loan	Cát Lái	CFR
Gỗ thông xẻ (25 x 100 x 3000-4200) mm	43	245,0	Estonia	Cont Spite	CPT
Gỗ thông xẻ (25mm x 74mm up x 2745mm)	242	209,0	Achentina	Cát Lái	FOB
Gỗ thông xẻ 25mm x 150mm x 3.0m	295	237,0	Uruguay	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 35 x 95-155 x 3660-3960mm	52	215,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 38mm x 95mm x 2440-3660mm	94	183,0	New Zealand	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 40;50mm x 100mm x 2.1m up to 6.0m	133	190,0	Australia	Cát Lái	CIF

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Chủng loại	Lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã-GH
Gỗ thông xẻ 40mm x 100mm up x 2.54m	269	170,0	Tây Ban Nha	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy dày:25 mm, dài: từ 2440mm - 5480mm	239	235,0	Chilê	Cát Lái	CFR
Gỗ vân sam xẻ QC: (50*3000-4200*225) mm	49	240,0	Thụy Điển	Cát Lái	CIF
Gỗ xoan đào đk 84-150 cm, dài 6.4-13.5 m	259	301,2	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ xoan đào đk từ 70 - 147 cm, dài từ 5.1 - 13.8 m	200	337,4	Italia	Hải Phòng	FOB
Gỗ xoan đào dài: 7.7-9.8M, đk: 136-154cm	29	139,2	Đức	Hải Phòng	FOB
Gỗ xoan đào xẻ dày trên 6mm	27	150,0	Lào	Nghệ An	DAF
Ván dăm - (2440*1220*14mm)	41	140,1	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Ván dăm - (2440*1220*14mm)	325	130,0	Đài Loan	Cát Lái	CIF
Ván dăm - 14X1830X2440 MM	178	110,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR
Ván MDF - (2465mm*1855mm*12mm)	14	148,0	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Ván MDF (14MMX1220X2440)	77	150,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

## **Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ**

**(Từ ngày 28/5/2024 đến 12/6/2024)**

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ ngày 28/5/2024 đến 12/6/2024 đạt 34,18 triệu USD, tăng 34,25% so với kỳ trước (từ ngày 14/5/2024 đến 28/5/2024). Trong đó, xuất khẩu thảm đạt 22,28 triệu USD, tăng 34,8% so với kỳ trước; lục bình đan đạt 4,5 triệu USD, tăng 38,2%; tre đan đạt 2,08 triệu USD, tăng 24,6%; cói đan đạt 2,04 triệu USD, tăng 17,2%; mây đan đạt 1,54 triệu USD, tăng 15,5%...

Trong kỳ vừa qua, sản phẩm mây, tre, cói, thảm được xuất khẩu sang 46 thị trường; trong đó, Hồng Kông là thị trường xuất khẩu lớn nhất, đạt 15,42 triệu USD. Tiếp đến là các thị trường: Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, Đức, Pháp, Hàn Quốc...

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Đèn mây tre đan con cá, kích thước: 2840x440x1490 cm, xuất khẩu sang thị trường Anh có giá 3.676,4 USD/cái (FOB cảng Cát Lái); giường tre BE-043, quy cách: 220x120x210H cm, xuất khẩu sang thị trường Ixraen có giá 380,0 USD/bộ (FOB cảng Transimex; ghế khung mây có nệm ngồi, kích thước 68 x 86 x 83 cm, xuất khẩu sang thị trường Singapore có giá 217,7 USD/cái (FOB cảng Cát Lái); bộ salon bằng tre gồm 1 bàn 90 x 50 x H45 cm, 2 ghế đơn 60 x 65 x H72 cm, 1 ghế băng 111 x 65 x H72 cm, xuất khẩu sang thị trường Italia có giá 136,0 USD/bộ (FOB cảng Cát Lái); giường mây L202 x W100 x H62.5 cm, xuất khẩu sang thị trường Tây Ban Nha có giá 133,6 USD/cái (FOB cảng Cảng Xanh)...

### **Một số lô hàng mây, tre, cói, thảm xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)**

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Đài Loan	Rèm cửa bằng tre kích thước 47"x 64" (M)	Cái	36	18,3	Lạch Huyện
	Khay mây, kích thước: 20x21xH21 cm	Cái	87	17,1	Nam Định Vũ
	Giò tre, kích cỡ 43.9x28x38 cm	Cái	300	15,0	Lạch Huyện
Đan Mạch	Giò bèo tây đan cói, kích cỡ 40x40xH72cm	Cái	95	20,0	Tân Vũ
	Tủ sách đan cói kích 63x12xH92cm	Cái	50	18,8	Tân Vũ
	Khay tre sơn mài mã TRLAC015REC65, kích thước 24x65x6cm	Cái	60	10,3	Hải Phòng
	Bàn đan bèo tây, kích cỡ D43xH34cm	Cái	100	10,0	Lạch Huyện
Đức	Chậu bộ 2 bằng lục bình đan, quy cách: 56/41x77/55 (cm)	Bộ	30	42,6	Gemalink
	Giò đan bèo tây (bộ 3) kích cỡ 45x40xH29 cm; 36x32xH23 cm;	Bộ	110	28,4	Hải Phòng

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	28x23xH18 cm				
	Bộ bát tre, (D24xH8cm, D32.2xH8cm)	Bộ	216	15,1	Hải Phòng
	Sọt lục bình, 16cm+20cm+26cm+34cm. Set of 4	Bộ	158	14,4	Gemalink
Achentina	Gương mây mã GCMR80x180, kích thước 80x180 cm	Cái	15	41,6	Tân Vũ
	Lồng đèn mây bộ 3 mã GCRL7080, kích thước Dia 70x H80, Dia 50x H60, Dia 40x H50 cm	Bộ	50	40,6	Tân Vũ
	Thảm cói GCS210x180, kích thước 210x180 cm	Cái	80	27,0	Tân Vũ
	Thùng cói bộ 3 mã GCS2340.03, kích thước Dia 40x H40/44, Dia 36x H38/41, Dia 30x H28/34 cm	Bộ	50	25,0	Tân Vũ
	Đôn bèo mã GCP23.60.25, kích thước 60x25 cm	Cái	100	15,1	Tân Vũ
	Khay tre chữ nhật bộ 3, kích thước 37x25x H8/15, 46x30x H10/17, 55x35x H11/19 cm	Bộ	100	10,0	Tân Vũ
Anh	Đèn mây tre đan con cá, kích thước: 2840x440x1490 cm	Cái	1	3.676,4	Cát Lái
	Chậu tre trắng xi măng hình tròn bộ 3, kích thước: 56.0x56.0x62.0H/ 46.0x46.0x51.0H/ 36.0x36.0x40.0H(cm)	Bộ	48	105,7	Cát Lái
	Túi cói, kích cỡ 49x20xH30cm	Cái	250	20,0	Hà Nội
	Bình tre trắng xi măng hình tròn, kích thước: 29.0x29.0x40.0H(cm)	Cái	180	16,4	Cát Lái
	Chân cây thông đan cói kích cỡ D72/92xH30 cm	Cái	100	14,5	Lạch Huyện
Australia	Bộ 3 giỏ mây chữ nhật KT 33x25xH13cm, 38x30xH20cm, 42x36xH32cm	Bộ	100	40,3	Tân Vũ
	Thùng mây tròn KT D43xH61cm	Cái	80	36,4	Tân Vũ
	Túi mây, kích thước (25x10x18)cm	Cái	100	11,0	Hải Phòng
Canada	Giỏ tre (bộ 4), 62x40xH26cm; 54x34xH23cm; 50x29xH20cm; 33x21.5xH16.5cm	Bộ	474	19,8	Lạch Huyện
	Thùng cói tròn D44/34 x H45/62 cm	Cái	60	17,3	Lạch Huyện
	Bát cói EDB16; KT: Phi 20 x 15cm	Cái	512	8,0	Tân Vũ
CH Dôminica	Thùng cói D43 x H50cm	Cái	84	19,2	Lạch Huyện
	Đĩa cói D53 x H7cm	Cái	120	8,0	Lạch Huyện
Chilê	Chậu tre trắng xi măng hình tròn, kích thước: 55.0x55.0x62.0H(cm)	Cái	72	58,2	Cát Lái
	Bình tre trắng xi măng hình tròn, kích thước: 36.0x36.0x51.5H(cm)	Cái	72	35,5	Cát Lái
	Khung gương đan bằng mây, kích thước: D.55cm	Cái	100	8,3	Lạch Huyện
Hà Lan	Bộ 4 giỏ bèo miệng cói D47/40 x 43/35 xH38/48/56cm, 42/35 x 37/30 xH33/43/50cm, 37/30 x31/2 xH28/37/42cm , 31/25 x 26/20 xH23/31/36 cm	Bộ	48	32,7	Tân Vũ
	Bộ 2 khay mây tròn D40xH8cm, D35xH7cm	Bộ	48	11,4	Tân Vũ
Hàn Quốc	Chiếu cói/Sedge mats (160 x 220cm)	Cái	100	14,0	Cảng Xanh
	Khay mây oval mã WO0420006, kích thước 32x27xH3cm	Cái	384	5,7	Cảng Xanh
Hong Kông	Ghế tre MS 368038, không nhãn hiệu, quy cách 55x63x100cm	Cái	60	36,0	Cát Lái
	Bàn tre, không nhãn hiệu quy cách 110x55x75cm	Cái	100	23,0	Cát Lái
	Kệ tre MS 368033, không nhãn hiệu, quy cách 103x50x190cm	Cái	120	22,0	Cát Lái
	Rèm tre Bc0001EU;KT: 90cm x200cm	Cái	32	21,5	Hải Phòng
Italia	Bộ salon bằng tre gồm 1 bàn 90 x 50 x H45 cm, 2 ghế đơn 60 x 65 x H72 cm, 1 ghế băng 111 x 65 x H72 cm	Bộ	124	136,0	Cát Lái
	Phong tre. KT: 135x160cmH	Cái	70	20,9	Cát Lái
Ixraen	Giường tre BE-043, quy cách: 220x120x210H cm	Bộ	46	380,0	Transimex
	Mái che giường tre, quy cách: 220*120 cm	Cái	10	55,0	Transimex
Mỹ	Bàn cói kích cỡ 131x131xH83cm -FT031	Cái	10	106,0	Lạch Huyện
	Thùng cói 81.5 x 35.5 x H42ccm	Cái	190	58,0	Lạch Huyện
	Giỏ cói tròn D50/56x H 59/76 cm	Cái	136	51,8	Lạch Huyện
	Khung gương sơn mài cốt tre, kích cỡ 120x90xH2.5cm	Cái	70	49,5	Lạch Huyện
	Rương cói chữ nhật 66x51xH51cm	Cái	192	42,5	Cái Mép
	Khay sơn mài, cốt tre, nhiều màu, kích thước 50x35x5 cm	Cái	450	36,0	Lạch Huyện
	Ghế đay kích cỡ 91x37xH52cm	Cái	20	32,6	Lạch Huyện



**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Nam Phi	Chậu tre trắng xi măng hình tròn, 56.0x56.0x62.0H(cm)	Cái	60	55,5	Cái Mép
	Bình tre trắng xi măng hình tròn, kích thước: 36.0x36.0x51.5H(cm)	Cái	72	32,3	Cái Mép
Nhật Bản	Giỏ tre KNTM 2405-05, kích thước: 85.5x75x54.5x26 (cm)	Cái	90	15,0	Tân Vũ
	Bộ giỏ mây và cối mã VR-219 SG/3 gồm 3 chiếc kích thước (49x32xH21/38cm, ,39x25xH19/30, 29x19xH13/23cm)	Bộ	60	14,0	Cảng Xanh
Pháp	Rương lục bình tự nhiên, 76x46xH45cm	Cái	180	26,3	Lạch Huyện
	Đèn đay kích cỡ 65x65xH50cm	Cái	600	23,8	Tân Vũ
	Quạt tre trang trí treo tường, kích cỡ 155x4xH75cm	Cái	96	15,3	Lạch Huyện
	Bàn tre phối mây, kích cỡ 40x40xH45cm	Cái	100	14,2	Cảng Xanh
Singapore	Ghế khung mây có nệm ngồi, kích thước 68 x 86 x 83 (cm)	Cái	131	217,7	Cát Lái
	Thảm trải sàn từ cao su và vải, kích thước: 30x47 inch	Cái	3.000	7,2	Cái Mép
Slovakia	Giỏ bèo bộ 3 kích thước 33/21/19, 37/25/21, 41/29/22 cm	Bộ	300	11,4	Gemalink
	Chậu trồng cây bèo kích thước D26H53 cm	Cái	352	8,9	Gemalink
Tây Ban Nha	Giường mây L202 x W100 x H62.5 cm	Cái	44	133,6	Cảng Xanh
	Giỏ mây HCN L60 x W40 x H40 cm	Cái	210	30,2	Cảng Xanh
	Kệ mây HCN 3 tầng L46 x W32 x H80 cm	Cái	50	23,2	Cảng Xanh
Thổ Nhĩ Kỳ	Đèn mây, kích cỡ 32x32xH54cm	Cái	336	9,3	Lạch Huyện
	Sọt lục bình, 45*34*54cm	Cái	112	8,5	Gemalink
Thụy Sĩ	Bộ 3 giỏ làm từ cối TS-B26 kích thước L: Dĩa 38/45/36 x H30M: Dĩa 28/36/26 x H27S: Dĩa 20/26/18 x H23	Bộ	200	31,7	Lạch Huyện
	Thùng cối D43 x H55 cm	Cái	200	23,0	Lạch Huyện
	Đôn làm từ bèo WS-P06 kích thước M: Dĩa 60 x H18 cm	Cái	250	21,9	Lạch Huyện
Trung Quốc	Bộ 2 sọt tròn lục bình, KT: 42x32x18.5(cm)	Bộ	540	17,0	Cát Lái
	Giá tre xe đẩy (44.5x38x75 cm)	Cái	114	11,5	Hải Phòng

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

### Thị trường nội thất bằng gỗ toàn cầu dự kiến đạt 413,5 tỷ USD vào năm 2032

Theo nguồn researchandmarkets.com (Nghiên cứu và Thị trường được thành lập vào năm 2002 với một mục tiêu đơn giản; để kết nối các doanh nghiệp với những hiểu biết và phân tích thị trường mà họ cần để đưa ra quyết định thông minh. Kể từ đó, đã phát triển thành cửa hàng nghiên cứu thị trường lớn nhất thế giới với khách hàng trên toàn thế giới, bao gồm hơn 450 khách hàng trong danh sách Fortune 500, chọn mua nghiên cứu từ cửa hàng).

Quy mô thị trường đồ nội thất gỗ toàn cầu đạt 275,7 tỷ USD vào năm 2023 và dự kiến sẽ đạt 413,5 tỷ USD vào năm 2032, với tốc độ tăng trưởng bình quân là 4,61% trong giai đoạn 2023-2032.

Thị trường toàn cầu chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng tăng về vật liệu nội thất bằng gỗ trong các ứng dụng dân dụng. Điều này có thể là do nhu cầu ngày càng tăng về đồ nội thất nhỏ gọn và đa chức năng để tối đa hóa việc sử dụng không gian trong những ngôi nhà hoặc căn hộ nhỏ hơn. Cùng với điều này, nhận thức ngày càng tăng về các vấn đề môi trường khác nhau của người tiêu dùng đang dẫn đến nhu cầu ngày càng tăng về đồ nội thất bằng gỗ tái tạo và thân thiện với môi trường. Hơn nữa, việc tăng cường tập trung vào thẩm mỹ thiết kế nội thất cũng đang thúc đẩy nhu cầu về đồ nội thất bằng gỗ mộc mạc, cổ điển hoặc được thiết kế theo phong cách, điều này đang tác động tích cực đến thị trường.

Thị trường được thúc đẩy bởi sự phát triển của các kênh thương mại điện tử và bán hàng trực tuyến, từ đó cung cấp nhiều lựa chọn đồ nội thất bằng gỗ đa dạng cho lượng khách hàng lớn hơn. Ngoài ra, sở thích thay đổi của người tiêu dùng đối với việc sử dụng các vật liệu nội thất tự nhiên và đích thực cũng đang tạo ra triển vọng tích cực cho thị trường. Ngoài ra, số lượng tùy chọn tùy chỉnh và cá nhân hóa ngày càng tăng do các nhà sản xuất đồ nội thất cung cấp đang thúc đẩy nhu cầu về đồ nội thất bằng gỗ khi người tiêu dùng tìm kiếm đồ nội thất mang lại nét cá nhân hóa cho ngôi nhà của họ.

Một số yếu tố khác góp phần vào thị trường bao gồm đô thị hóa nhanh chóng, tăng trưởng đáng kể trong lĩnh vực khách sạn và thương mại, xu hướng tự làm (DIY) và xu hướng đồ nội thất không lắp ráp, cải tiến công nghệ liên tục trong quy trình sản xuất đồ nội thất bằng gỗ và mở rộng hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D).

Gỗ là nguyên liệu sử dụng chính cho sản xuất đồ nội thất, trong đó có gỗ cứng và gỗ mềm. Theo phân tích từ báo cáo, thì gỗ cứng là phân khúc được sử dụng lớn nhất.

Về kênh phân phối, bao gồm bán lẻ, cửa hàng và trực tuyến, trong đó bán lẻ là đại diện cho kênh phân phối lớn nhất của thị trường đồ nội thất bằng gỗ.

Về người tiêu dùng các sản phẩm đồ nội thất bằng gỗ bao gồm khu dân cư và thương mại, trong đó khu dân cư sẽ chiếm thị phần lớn nhất.

Các thị trường chính trong tham gia trong thị trường đồ nội thất bằng gỗ bao gồm Bắc Mỹ, châu Á Thái Bình Dương, châu Mỹ Latinh, Trung Đông và châu Phi. Theo phân tích từ báo cáo, Châu Á Thái Bình Dương là thị trường lớn nhất cho đồ nội thất bằng gỗ. Một số yếu tố thúc đẩy thị trường đồ nội thất bằng gỗ tại khu vực châu Á Thái Bình Dương bao gồm mức thu nhập khả dụng tăng cao, nhu cầu ngày càng tăng về đồ nội thất nhỏ gọn và đa chức năng, nhiều các thương hiệu lớn tham gia vào thị trường đồ nội thất tại khu vực...

## **Dự báo tiêu thụ đồ nội thất toàn cầu sẽ giảm nhẹ năm 2024 và tăng trưởng trở lại vào năm 2025**

Theo CSIL, tổ chức nghiên cứu ngành nội thất có trụ sở tại Italia trong ấn bản quý 1/2024: Tổ chức Thương mại Thế giới dự kiến năm 2023, thương mại quốc tế sẽ tăng trưởng chậm hơn GDP.

Nền kinh tế Trung Quốc chưa phục hồi, lạm phát vẫn ở mức cao tại Mỹ và Châu Âu, cùng với sự tăng giá của đồng đô la Mỹ và căng thẳng địa chính trị đã tác động đến thương mại quốc tế năm 2023. Sự chậm lại của thương mại dường như diễn ra trên diện rộng, liên quan đến nhiều quốc gia và nhiều loại hàng hóa. Thương mại đồ nội thất quốc tế cũng không ngoại lệ. Năm 2021 là năm tăng trưởng mạnh do phục hồi sau đại dịch, sau đó giảm đáng kể vào năm 2022. Theo ước tính sơ bộ của CSIL, năm 2023 là một năm rất khó khăn đối với thương mại đồ nội thất quốc tế, đạt 174 tỷ USD, giảm 7% so với năm 2022 (vẫn cao hơn mức trước đại dịch). Dự báo cho năm 2024 và 2025 thương mại đồ nội thất sẽ phục hồi chậm. Dự kiến thương mại đồ nội thất sẽ tăng trưởng trở lại vào năm 2025 sau 4 năm giảm. Các nước nhập khẩu đồ nội thất hàng đầu là Mỹ, Đức, Pháp, Anh và Hà Lan. Các quốc gia này cùng nhau chiếm khoảng 50 tổng lượng nhập khẩu trên toàn cầu. Ước tính sơ bộ cho năm 2023 cho thấy sự sụt giảm đối với tất cả các nước nhập khẩu chính, đặc biệt là Mỹ.

Nước xuất khẩu đồ nội thất chính trên toàn cầu là Trung Quốc, tiếp theo là Việt Nam, Ba Lan, Đức và Italia. Sau một đợt tăng mạnh vào năm 2021, xuất khẩu của Trung Quốc đã giảm đáng kể vào năm 2022 và 2023. Cần lưu ý rằng tất cả dữ liệu đều tính theo đồng đô la Mỹ và bị ảnh hưởng bởi lạm phát, cùng với sự mất giá của các

loại tiền tệ chính so với đồng đô la Mỹ.

Xét trong khoảng thời gian 10 năm, sự phân chia xuất khẩu đồ nội thất giữa các khu vực khác nhau trên thế giới vẫn không thay đổi đáng kể vào năm 2023 so với năm 2014. Thị phần tăng của khu vực Châu Á và Thái Bình Dương trong những năm đầu của thập kỷ này không kéo dài: vào năm 2022 và 2023, sự suy giảm của ngành công nghiệp đồ nội thất tại Trung Quốc đã thay đổi bức tranh. Biến động chính về thị phần xuất khẩu trong 10 năm qua là Trung Quốc giảm từ 36% năm 2014 xuống còn 33% tổng trị giá xuất khẩu đồ nội thất năm 2023 và Việt Nam tăng từ 4% năm 2014 lên 9% năm 2023.

Theo Triển vọng kinh tế thế giới của IMF (Quỹ tiền tệ quốc tế), tăng trưởng GDP thế giới dự kiến sẽ đạt 3% vào năm 2023, đạt 2,9% vào năm 2024 và 3,2% vào năm 2025. Rủi ro giảm giá xuất phát từ lạm phát liên tục, khả năng tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc chậm lại hơn nữa, giá cả hàng hóa biến động và các hạn chế thương mại bổ sung do căng thẳng địa chính trị.

Đối với toàn thế giới (100 quốc gia), dự báo tiêu thụ đồ nội thất sẽ giảm nhẹ theo giá trị thực vào năm 2024 và tăng trưởng trở lại vào năm 2025.

## **THAM KHẢO**

### **Mỹ tiếp tục gia hạn thời gian ban hành kết luận cuối cùng điều tra xem xét phạm vi sản phẩm và chống lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại đối với tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam**

Cục Phòng vệ thương mại (PVTM) nhận được thông tin về việc Bộ Thương mại Mỹ (DOC) tiếp tục gia hạn thời gian ban hành kết luận cuối cùng về điều tra xem xét phạm vi sản phẩm và chống lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại đối với tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam.

Theo thông báo của DOC, kết luận cuối cùng về điều tra xem xét phạm vi sản phẩm được gia hạn tới ngày 15 tháng 7 năm 2024. Đối với điều tra lẩn tránh thuế, DOC cũng đã tiếp tục gia hạn thời gian ban hành kết luận sơ bộ và kết luận cuối cùng của vụ việc tới ngày 29 tháng 7 và ngày 28 tháng 10 năm 2024.

Vụ việc điều tra phạm vi sản phẩm và lẩn tránh thuế PVTM bị DOC lần lượt khởi xướng từ tháng 5 và tháng 6 năm 2022. Tháng 9 năm 2023, DOC ban hành thông báo điều chỉnh kết luận sơ bộ tháng 3 năm 2023, theo đó liệt kê 3 trường hợp tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam có các bộ phận sản xuất tại Trung Quốc thuộc phạm vi của lệnh áp thuế gốc với Trung Quốc.

Trước đó, từ tháng 4 năm 2020 đến nay, Mỹ áp thuế chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) với tủ gỗ có xuất xứ từ Trung Quốc với mức thuế CBPG là từ 4,37% đến 262,18%, mức thuế CTC là từ 13,33% đến 293,45%.

Chi tiết đề nghị liên hệ: Phòng Xử lý PVTM nước ngoài, Cục PVTM, Bộ Công Thương, 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Chuyên viên phụ trách: Nguyễn Quốc Khánh, Điện thoại: 024.7303.7898 (máy lẻ 110), Email: Khanhngq@moit.gov.vn ; ngocny@moit.gov.vn.

### **Bộ Công Thương lấy kiến đóng góp 03 Dự thảo Thông tư trong lĩnh vực xuất nhập khẩu**

Bộ Công Thương đăng tải toàn văn Dự thảo 03 Thông tư trong lĩnh vực xuất nhập khẩu để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cụ thể: (i) Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-BCT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tạm ngừng kinh doanh chuyển khẩu, kinh doanh tạm nhập gỗ dán vào Việt Nam để tái xuất sang Hoa Kỳ; (ii) Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (iii) Thông tư quy định về Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, kinh doanh chuyển khẩu.

*Dự thảo: Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-BCT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tạm ngừng kinh doanh chuyển khẩu, kinh doanh tạm nhập gỗ dán vào Việt Nam để tái xuất sang Mỹ.*

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-BCT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tạm ngừng kinh doanh chuyển khẩu, kinh doanh tạm nhập gỗ dán vào Việt Nam để tái xuất sang Mỹ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-BCT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tạm ngừng kinh doanh chuyển khẩu, kinh doanh tạm nhập gỗ dán vào Việt Nam để tái xuất sang Mỹ.

1. Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 22/2019/TT-BCT như sau:

“Điều 4. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2029.”

2. Bổ sung Điều 5 Thông tư số 22/2019/TT-BCT như sau:

“Điều 5. Điều khoản thực hiện

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, thương nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương để xử lý.”

Mọi ý kiến đóng góp, xin gửi đầu mối liên hệ: Anh Bùi Anh Dũng, chuyên viên Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, điện thoại 024-22205353, 0911.485.995, email: [dungba@moit.gov.vn](mailto:dungba@moit.gov.vn).

## **Khách hàng Algeria tìm nhà xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ**

Theo Thương vụ Việt Nam tại Algeria, khách hàng Algeria tìm nhà xuất khẩu gỗ và đồ gỗ các loại.

Doanh nghiệp Việt Nam quan tâm có thể gửi thông tin, catalogue giới thiệu đến Thương vụ Việt Nam tại Algeria theo địa chỉ email [dz@moit.gov.vn](mailto:dz@moit.gov.vn) để biết thêm chi tiết.

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **46/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 18 tháng 8 năm 2023

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**